

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG SƠN**

Số: /BC-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đông Sơn, ngày 31 tháng 8 năm 2023

DỰ THẢO

BÁO CÁO

**Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao
năm 2023, xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa**

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; Quyết định 18/2022/QĐ-TTg, ngày 02/8/2022 về Ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Thanh Hóa: số 32/2022/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022-2025; Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022-2025.

Căn cứ văn bản đề nghị của UBND xã Đông Tiến tại Tờ trình số 248/TTr-UBND ngày 15/8/2023 về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023.

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Đông Tiến, UBND huyện Đông Sơn báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2023 đối với xã Đông Tiến cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra: Từ ngày 16/8/2023 đến ngày 31/8/2023.

1. Về hồ sơ

Nội dung, thành phần hồ sơ đã được xã Đông Tiến thực hiện đảm bảo đầy đủ đúng theo quy định tại Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022-2025 và Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg, ngày 02/8/2022 về Ban hành quy định

điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

Đảng ủy ban hành Nghị Quyết số 18-NQ/ĐU ngày 05/01/2022 về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, xây dựng NTM nâng cao năm 2022; Quyết định số 03 -QĐ/ĐU ngày 08/3/2022 về kiện toàn Ban chỉ đạo xây dựng NTM nâng cao, thôn nông thôn mới kiểu mẫu do đồng chí Bí thư Đảng ủy xã làm Trưởng ban. Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên phụ trách các thôn, các ngành đoàn thể, đảm nhiệm từng công việc cụ thể. Ngày 22/12/2022 Ban chấp hành Đảng bộ xã Đông Tiến tổ chức hội nghị triển khai Nghị Quyết số 32-NQ/ĐU ngày 22/12/2023 về mục tiêu nhiệm vụ năm 2023, Quyết định 31-QĐ/ĐU về việc kiện toàn Ban chỉ đạo xây dựng xã Nông Thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu xã Đông Tiến giai đoạn 2022- 2025.

UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 15/01/2022 về việc thực hiện Nghị Quyết số 18-NQ/ĐU ngày 05/01/2022 của BCH Đảng bộ về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng xã NTM nâng cao và xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn xã. Đối với thôn: 06/06 thôn đã kiện toàn ban phát triển thôn. Đảng ủy, UBND xã tăng cường kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các cơ chế, chính sách trong xây dựng nông thôn mới; phát huy dân chủ trong Nhân dân và tính sáng tạo hiệu quả trong công việc; huy động mọi nguồn lực đáp ứng thực hiện hoàn thành các tiêu chí xây dựng NTM. Ban chỉ đạo xã cùng cả hệ thống chính trị, ban phát triển thôn tập trung chỉ đạo sâu sát, cùng vào cuộc từ xã đến thôn. Các đồng chí trong ban chỉ đạo được phân công về các thôn luôn thực hiện tốt trách nhiệm của mình.

Công tác tuyên truyền được triển khai bằng nhiều hình thức, thường xuyên, phong phú, đa dạng, gắn kết chặt chẽ giữa tuyên truyền với vận động, lồng ghép tuyên truyền qua các hoạt động sinh hoạt tập thể, các hội nghị, các cuộc họp tại khu dân cư, qua hệ thống truyền thanh, qua băng zôn, panô, khẩu hiệu, cổ động, hội thi... từ đó làm cho từng người dân, cộng đồng dân cư nhận thức đầy đủ và sâu sắc, xác định rõ trách nhiệm, vai trò chủ thể trực tiếp thực hiện xây dựng NTM nâng cao với phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân hưởng thụ*” thành quả xây dựng NTM nâng cao. Tập trung tuyên truyền, biểu dương những cách làm hay, những mô hình điển hình, những tập thể, cá nhân tiêu biểu trong phong trào xây dựng NTM nâng cao đã thúc đẩy toàn dân hăng hái tham gia thực hiện.

UBMTTQ xã, Ban công tác mặt trận các thôn làm tốt công tác tuyên truyền vận động thực hiện phong trào thi đua, đồng thời tham gia giám sát việc tổ chức thực hiện các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn.

Hội nông dân, Hội phụ nữ tổ chức nhiều buổi tập huấn, mở các lớp dạy nghề, tổ chức các hội thi Nông dân, Phụ nữ, chung tay XD NTM nâng cao.

Hội CCB, đoàn thanh niên phát huy truyền thống “Anh bộ đội Cụ Hồ”, “Thanh niên làm theo lời Bác”; vận động hội viên, đoàn viên gương mẫu đi đầu trong các phong trào, làm kinh tế giỏi, xung kích trong phong trào bảo vệ môi trường.

Hội người cao tuổi với phong trào “Ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo”, mẫu mực làm gương động viên con cháu tích cực lao động sản xuất, xóa đói, giảm nghèo, làm giàu chính đáng, phát huy nội lực chung sức xây dựng NTM nâng cao, thực hiện tốt việc tổ chức tang lễ theo quy ước nếp sống mới và các giá trị văn hóa truyền thống, tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, tham gia quy hoạch quản lý nghĩa trang, nghĩa địa và xây dựng làng xã văn hóa.

Qua các hình thức tuyên truyền nêu trên, nhận thức của đại bộ phận nhân dân trong xã có nhiều chuyển biến, tích cực tham gia họp bàn và đóng góp xây dựng với nhiều cách làm hay, tạo được phong trào thi đua ở từng thôn, xóm đối với phong trào xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

Trong suốt quá trình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM nâng cao, xã Đông Tiến luôn nhận được sự quan tâm lãnh của tỉnh của huyện ủy, UBND huyện và sự hướng dẫn của các cấp, các ngành; đồng thời được thụ hưởng đầy đủ các cơ chế chính sách của Đảng và Nhà nước về: Chính sách an sinh xã hội, xây dựng kết cấu hạ tầng, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất và ngành nghề nông nghiệp, nông thôn. Bên cạnh đó là sự đồng thuận, trách nhiệm với nhiệm vụ và thống nhất cao của Đảng bộ, chính quyền, các tổ chức chính trị xã hội và toàn thể nhân dân trong xã, là những thuận lợi để cấp ủy, chính quyền và nhân dân xã Đông Tiến xây dựng thành công các tiêu chí NTM nâng cao. Kết quả cụ thể về Phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân:

a, Phát triển sản xuất nông nghiệp:

Phát triển kinh tế nông nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm, ban chỉ đạo xã bám sát Chương trình, Kế hoạch trọng tâm của huyện, Nghị quyết của Đảng ủy, UBND xã đã triển khai thực hiện, chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu mùa vụ, tập trung thu hút đầu tư, lựa chọn các loại cây trồng hàng hoá có giá trị kinh tế cao gắn với thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, thực hiện tốt công tác đổi điền dồn thửa, tích tụ đất, nâng cao hiệu quả đầu tư trong sản xuất nông nghiệp; Tổ chức thực hiện và duy trì mô hình cánh đồng mẫu lớn liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; đã có nhiều mô hình sản xuất mang lại giá trị kinh tế cao, đã có 8ha sản xuất nông nghiệp công nghệ cao các loại, trồng dưa vàng nhà màng, dưa chuột baby.. các loại; có thêm nhiều hộ gia đình tập trung đầu tư trồng các loại cây ăn quả, trồng hoa, cây cảnh, ... góp phần nâng cao thu nhập, đời sống của người dân.

Trong phát triển chăn nuôi, trọng tâm tuyên truyền người dân làm tốt công tác phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm, đưa các loại giống vật nuôi mới cho hiệu quả kinh tế cao gà siêu trứng, vịt siêu trứng,... vào sản xuất; các hộ dân chăn nuôi theo mô hình gia trại, chăn nuôi an toàn sinh học và tăng nhanh giá trị sản xuất ngành chăn nuôi, đảm bảo ATTP và bảo vệ môi trường, giá trị đạt 160 triệu đồng/năm.

b, Hoạt động của hợp tác xã:

Hoạt động của HTXNN đã làm tốt vai trò dịch vụ các khâu: cung ứng vật tư, chuyển giao khoa học kỹ thuật, dịch vụ làm đất, tưới, tiêu nước... tổ chức thực hiện liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm theo mô hình cánh đồng mẫu lớn với doanh nghiệp để cung ứng phân bón và thu mua sản phẩm cho người dân, mang lại giá trị kinh tế cao và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

Ngoài ra hợp tác xã còn kết hợp, hợp đồng với một số cá nhân khác đầu tư máy nông cụ như máy gặt, máy cày công suất lớn, máy cấy... để thực hiện cơ giới hoá đồng bộ trong nông nghiệp, dịch vụ đầu vào cho xã viên. Tu sửa nâng cấp kênh mương, nâng cấp trạm bơm đảm bảo cho phục vụ sản xuất.

c, Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, ngành nghề nông thôn:

Đảng ủy và Chính quyền xã luôn quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi, cơ chế chính sách hỗ trợ, nhằm phát triển đa dạng hóa các ngành nghề, hoạt động dịch vụ thương mại, hàng hóa đáp ứng nhu cầu của nhân dân, đến nay toàn xã có 20 Doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả. 01 cửa hàng chuyên phục vụ sản phẩm sạch trong nông nghiệp hoạt động có hiệu quả để nhân dân trong xã và huyện mua bán trao đổi hàng hóa với nhau, có 83 cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể đang hoạt động có hiệu quả và thu hút hàng trăm lao động tham gia vào các công ty như: may mặc và các nghề: mộc, nghề hàn, sửa chữa dân dụng, xây dựng, vận tải, dịch vụ khác...đã tạo việc làm ổn định và nâng cao thu nhập cho gia đình và xã hội. Bên cạnh đó hàng năm trên địa bàn xã phát triển từ 5 - 7 doanh nghiệp được thành lập mới giải quyết được nhiều lao động trên địa bàn xã.

d, Nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân:

Cùng với sự phát triển kinh tế, đời sống nhân dân trong xã ngày càng được nâng lên. Mức thu nhập bình quân đầu người năm 2017 (năm về đích NTM) mới đạt 31,03 triệu đồng/người/năm, đến tháng 8 năm 2023 thu nhập bình quân đầu người đạt 68,73 triệu đồng/người/năm, tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn xã giảm rõ rệt, tỷ lệ hộ nghèo toàn xã không có hộ nghèo (7 hộ nghèo thuộc hộ nghèo bảo trợ không có khả năng lao động).

e. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới nâng cao

Tổng nguồn vốn huy động : 350.030.triệu đồng. Trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 0,0 %;
- Ngân sách Tỉnh: 6.000 triệu đồng, chiếm 02,26%;
- Ngân sách Huyện: 11.000 triệu đồng, chiếm 4,15 %
- Ngân sách xã: 135.500 triệu đồng, chiếm 38.71 %

- Nguồn nhân dân đóng góp: 197.530 triệu đồng chiếm 56,38% (Trong đó: Nhân dân đóng góp bằng tiền, hiện vật, ngày công, hiến đất để xây dựng công trình phúc lợi: 25.200 triệu đồng, chiếm 10%; Nhân dân tự xây dựng, sửa chữa, chỉnh trang nhà ở 172.330 triệu đồng, chiếm 64,53%).

3. Xã Đông Tiến đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2017 tại Quyết định số 5155/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa. Công tác rà soát, duy trì và tổ chức thực hiện duy trì nâng cao các tiêu chí, luôn được xã Đông Tiến duy trì đạt chuẩn 19/19 tiêu chí xã nông thôn mới theo Quyết định số 32/2022/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022-2025.

4. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao:

Tổng số tiêu chí xã tổ chức đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo quy định là 19 tiêu chí/19 tiêu chí, đạt 100%, cụ thể:

4.1. Tiêu chí 01 về Quy hoạch

a) Yêu cầu của tiêu chí:

1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch. (Đạt)

1.2. Có quy định quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn; tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch. (Đạt)

1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên. (Đạt)

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 1.1 Do huyện Đông Sơn đang thực hiện sáp nhập với Thành phố Thanh Hóa, vì vậy Quy hoạch chung xây dựng xã Đông Tiến theo Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040 (bao gồm cả huyện Đông Sơn) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số 259/QĐ-TTG ngày 17/3/2023. Xã Đông Tiến, đã thực duy trì quy hoạch đã được phê duyệt giai đoạn 2012-2020, và đã thực hiện rà soát các nội dung Quy hoạch nông thôn (QHC) đảm bảo sự phù hợp với Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040, được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 11/02/2019 và thực hiện duy trì 100% tiêu chí quy hoạch.

Về việc công bố quy hoạch, UBND xã đã duy trì việc niêm yết các bản đồ quy hoạch tại công sở xã và nhà văn hóa 6 thôn gồm: Bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất. Sơ đồ định hướng phát triển không gian, bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật, sơ đồ vị trí mối liên kết vùng. Ngoài việc duy trì niêm yết các bản đồ quy hoạch, UBND xã còn thực hiện công bố bằng biện pháp thông báo, thông tin tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh của xã và ở các thôn lồng ghép nội dung các hội nghị để công bố quy hoạch chung xây dựng xã Đông Tiến đến các đoàn thể chính quyền và đông đảo người dân được biết và thực hiện.

- Chỉ tiêu 1.2 Tổ chức thực hiện theo quy hoạch, cấm biển báo, mốc giới xây dựng cho các vị trí quy hoạch xây dựng trên địa bàn xã. Sau đó bàn giao cho

công chức địa chính và trưởng thôn tại nơi có vị trí quy hoạch để theo dõi, quản lý biển báo, mốc giới đã cắm. Hàng tháng UBND xã thực hiện kiểm tra lại các biển báo, mốc giới đã cắm, qua đó để phát hiện các biển báo, mốc giới đã bị phá, bị dịch chuyển, bị xuống cấp để thực hiện việc khôi phục, tổ chức cắm thêm biển báo, mốc giới nhằm phân định các khu chức năng đã được quy hoạch.

- Chỉ tiêu 1.3, Xã có quy hoạch chi tiết và đầu tư xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương; 100% mặt bằng được thực hiện đúng theo quy định về quy hoạch khu dân cư phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 01 về Quy hoạch: Đạt yêu cầu.

4.2. Tiêu chí số 02 về Giao thông:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

2.1. *Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định: 100% được bảo trì hàng năm, được bê tông hoá hoặc nhựa hoá, có chiều rộng mặt đường $\geq 4,5m$, chiều rộng nền đường $\geq 6,5m$ (trong đó: $\geq 60\%$ đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết theo quy định).*

2.2. *Tỷ lệ đường thôn, bản và đường liên thôn, bản được cứng hóa và bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định: 100% được cứng hóa và bảo trì hàng năm (trong đó: $\geq 80\%$ bê tông hóa hoặc nhựa hóa đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0m$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0m$ và $\geq 50\%$ đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết theo quy định)*

2.3. *Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp: $\geq 90\%$ (trong đó: $\geq 80\%$ bê tông hóa hoặc nhựa hóa đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0m$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0m$)*

2.4. *Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa: 100% (trong đó: $\geq 70\%$ bê tông hóa đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0m$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0m$)*

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 2.1: Tổng chiều dài đường xã 2,5 km (01 tuyến) được nhựa hoá 2,5/2,5km đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT, đạt tỷ lệ 100%, chiều rộng mặt đường $\geq 4,5m$, chiều rộng nền đường $\geq 6,5m$; được bảo trì 2,5/2,5km, đạt 100%, trong đó có 1,55/2,5km, đạt tỷ lệ 62 % tuyến đường xã có các hạng mục cần thiết theo quy định, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.

- Chỉ tiêu 2.2: Đường trục thôn và liên thôn có tổng chiều dài là 12,5 km, đã bê tông và nhựa hoá được 12,5/12,5 km, đạt 100% và có chiều rộng mặt đường $\geq 3,0m$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0m$; các tuyến đường thôn đều đảm bảo sáng - xanh - sạch -

đẹp và có các hạng mục cần thiết theo quy định, đạt 100 % (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh)

- Chỉ tiêu 2.3: Đường ngõ xóm có tổng chiều dài là 8,2/8,2 km đã bê tông hoá 8,2/8,2 km và bảo trì hàng năm đạt 100% và đều đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0\text{m}$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0\text{m}$; 8,2/8,2km đường đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết theo quy định.

- Chỉ tiêu 2.4: Đường trục chính nội đồng có tổng chiều dài là 9,8 km, đã cứng hóa 9,25/9,25 km, đạt 10% và đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0\text{m}$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0\text{m}$, đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 02 về Giao thông: Đạt yêu cầu.

4.3. Tiêu chí số 03 về Thủy lợi và phòng chống thiên tai:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

3.1. *Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động: $\geq 90\%$*

3.2. *Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững: (Đạt)*

3.3. *Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước: $\geq 20\%$*

3.4. *Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm (Đạt).*

3.5. *Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi (Đạt).*

3.6. *Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ: (Khá).*

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động.

Hiện trạng đất đai của xã 517,9 ha, trong đó: Đất nông nghiệp: 323,78 ha (Đất trồng lúa: 299,86 ha; Đất trồng rau màu: 8,9 ha; Đất trồng cây hằng năm: 5,34 ha; Đất nuôi trồng thủy sản: 7,59 ha; Đất trồng cây lâu năm: 2,09 ha) và Đất phi nông nghiệp: 184,81 ha.

* *Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động là:*

$$T_{\text{tưới}} = \frac{S_1}{S} \times 100(\%) = \frac{646,68}{646,68} * 100 = 100\%$$

Trong đó:

+ $T_{\text{tưới}}$: Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động (100%).

+ S_1 : Diện tích gieo trồng cả năm thực tế được tưới chủ động 646,68 ha.

+ S: Diện tích gieo trồng cả năm cần tưới theo kế hoạch 646,68 ha (Trong đó: *Vụ Xuân: diện tích đất trồng lúa: 299,86 ha; Vụ mùa: diện tích đất trồng lúa: 299,86 ha; Đất trồng rau màu: 46,96 ha.*

* Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp được tiêu chủ động là:

$$T_{\text{tiêu}} = \frac{F_1}{F} \times 100(\%) = \frac{495,66}{495,66} * 100 = 100\%$$

Trong đó:

+ $T_{\text{tiêu}}$: Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp được tiêu chủ động (100%).

+ F_1 : Diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp thực tế được tiêu chủ động 495.66 ha.

+ F: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp (184,81ha) của xã 495.66 ha. Trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp 310,85ha ha (*Đất trồng lúa 299,86ha, Đất trồng cây hàng năm 8,9 ha; đất trồng cây lâu năm 2,09ha*) diện tích đất phi nông nghiệp là 184,81ha.

* Diện tích nuôi trồng thủy sản: 7,59 ha, kết quả cụ thể:

$$T_k = \frac{K_1}{K} \times 100(\%) = \frac{7,59}{7,59} * 100 = 100\%$$

Trong đó:

+ T_k : Tỷ lệ diện tích đất nuôi trồng thủy sản (%.)

+ K_1 : Diện tích đất nuôi trồng thủy sản thực tế được cấp chủ động 7,59 (ha).

+ K: Diện tích đất NTTS cần cấp, thoát nước theo kế hoạch 7,59 (ha).

- Chỉ tiêu 3.2: Có ít nhất một tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững

Hợp tác xã Cơ giới hóa Đông Tiến có hoạt động dịch vụ thủy lợi nội đồng, đảm bảo pháp lý, năng lực theo quy định của Luật Thủy lợi: HTX được thành lập, hoạt động theo Luật Hợp tác xã (có giấy đăng ký HTX); Có điều lệ hoạt động dịch vụ thủy lợi được trên 50% số thành viên của HTX thông qua và UBND xã xác nhận. Toàn bộ người sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi (1.643 người) là thành viên HTX. Tổ chức bộ máy, người vận hành HTX đảm bảo năng lực theo quy định. Tổng điểm đánh giá: 84/100 điểm.

- Chỉ tiêu 3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước:

Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước được tính bằng diện tích đất trồng cây trồng chủ lực là cây lúa (của các vụ trong năm) thực tế áp dụng tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên tổng diện tích đất trồng cây trồng chủ lực theo kế hoạch, được áp dụng các biện pháp canh tác tiên tiến: Nông - Lộ - Phơi với tổng diện tích thực hiện 599,72/599,72 ha, đạt 100%.

- Chỉ tiêu 3.4: Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm

Toàn xã có 28 công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng do xã quản lý, với chiều dài 20,646 km, đều được xây dựng kế hoạch và bảo trì hàng năm. HTX đã lập kế hoạch bảo trì tất cả các công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng do xã quản lý; có báo cáo kết quả thực hiện kiểm tra thường xuyên, trước và sau mùa mưa, kiểm tra ngay sau khi có mưa, lũ lớn; hồ sơ thể hiện việc sử dụng lao động, vật liệu thực hiện bảo dưỡng các hạng mục theo kế hoạch. Các hạng mục công trình được sửa chữa thường xuyên đạt 100% so với kế hoạch. Các sự cố, hư hỏng của công trình, máy móc thiết bị hư hỏng do xuống cấp được xử lý, sửa chữa đột xuất kịp thời.

Nguồn kinh phí thực hiện bảo trì các công trình thủy lợi được lấy từ nguồn cấp bù thủy lợi phí và thu đầu sào do người dùng nước đóng góp.

- Chỉ tiêu 3.5: Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi.

Toàn xã có 6 thôn, dân cư phân bố tập trung thành một vùng. Nước thải sinh hoạt và sản xuất được xử lý và thải ra hệ thống theo mương gom về kênh tiêu trực chính của xã đảm bảo quy định. Hàng năm, UBND xã triển khai thực hiện chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát kiểm soát nguồn nước thải trong cụm dân cư, các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất để quản lý nguồn nước thải. Hiện nay toàn xã có 06 cá nhân có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi. UBND xã đã thực hiện chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tổ chức thực hiện kiểm soát nguồn nước thải, tổ chức quản lý nguồn nước thải trên địa bàn theo thẩm quyền.

- Chỉ tiêu 3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về PCTT theo phương châm 4 tại chỗ

+ Về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực, hàng năm, UBND xã Đông Tiến đã thành lập và kiện toàn Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự xã theo quy định; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban Chỉ huy. Trong đó, có phân công cho công chức cấp xã theo dõi lĩnh vực PCTT và làm bộ phận thường trực của Ban chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS cấp xã.

+ Nguồn nhân lực: 100% cán bộ cấp xã tham gia trực tiếp công tác phòng, chống thiên tai; Đồng thời được tham gia các lớp tập huấn nâng cao năng lực, trình độ trong công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đảm bảo phục vụ công tác phòng chống thiên tai trên địa bàn xã. Hàng năm, xã thực hiện công tác rà soát, củng cố lực lượng xung kích phòng chống thiên tai; quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Đội xung kích; xây dựng, ban hành quy chế hoạt động, đồng thời xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch tập huấn cho lực lượng xung kích PCTT đáp ứng yêu cầu ứng phó có thiên tai xảy ra.

+ Nhân dân trong xã đều được UBND xã triển khai, phổ biến phương án, kế hoạch PCTT và tìm kiếm cứu nạn hàng năm, thông qua các hội nghị Chi bộ,

hội nghị nhân dân và trên hệ thống loa truyền thanh của xã đến thôn và cụm dân cư, để mọi người được biết và thực hiện.

+ Hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh luôn được xã quan tâm; UBND xã đã xây dựng và phê duyệt kế hoạch phòng chống thiên tai giai đoạn 2021 - 2025; hàng năm có tổ chức rà soát, cập nhật, bổ sung Kế hoạch PCTT đảm bảo phù hợp với nhu cầu thực tế tại địa phương; đồng thời cập nhật, bổ sung và ban hành phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai; Phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão, hạn hán; Phương án huy động lực lượng, vật tư, phương tiện, hậu cần phục vụ công tác PCTT, TKCN ... đảm bảo theo quy định, đáp ứng yêu cầu về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

+ Tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch phòng, chống thiên tai được phê duyệt, sẵn sàng huy động từ 80% trở lên số lượng, chủng loại vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ cho hoạt động phòng, chống thiên tai theo kế hoạch được duyệt. Đảm bảo 100% tổ chức và số hộ gia đình, cá nhân trong xã chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, thực phẩm phục vụ hoạt động phòng, chống thiên tai đáp ứng yêu cầu dân sinh tại chỗ.

+ Về cơ sở hạ tầng thiết yếu, xã thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào các Quy hoạch: sử dụng đất; phát triển dân sinh - kinh tế - xã hội - môi trường; điểm dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có, đảm bảo phù hợp với loại hình thiên tai thường xuyên; 100% cơ sở hạ tầng được xây dựng mới phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn trước thiên tai đã được ban hành hoặc được lồng ghép nội dung an toàn trước thiên tai.

+ Thông tin, cảnh báo và ứng phó thiên tai đảm bảo hệ thống thu nhận, truyền tải và cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai đảm bảo 100% người dân được tiếp nhận một cách kịp thời, đầy đủ trên hệ thống loa phát thanh của xã, thôn; trên trang facebook phòng chống thiên tai xã kết nối với trang facebook của trung ương, tỉnh, huyện kịp thời truyền tải thông tin về công tác phòng chống thiên tai đến các thành viên BCH và nhân dân trên địa bàn xã được nhanh chóng và hiệu quả.

+ Thực thi pháp luật về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai, luôn được kiểm tra, ngăn chặn kịp thời, không có các vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai phát sinh.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 03 về Thủy lợi và phòng chống thiên tai: Đạt.

4.4. Tiêu chí số 04 về Điện

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định: $\geq 99\%$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Hệ thống điện xã Đông Tiến do Điện lực Đông Sơn quản lý vận hành lưới điện trung áp và lưới điện hạ áp, với đường dây hạ áp 0.4 KV dài 21,64km, có 3,2km đường dây 22KV và 0,8 km đường dây 35 KV; trung áp 4km; 07 trạm biến áp, tổng công suất 2.200 KVA phục vụ sản xuất, sinh hoạt trên địa bàn xã. Khoảng cách đến mặt đất tự nhiên khu vực dân cư là 7,5m; đến mặt đường ô tô > 7,5m; các cột điện đều là cột bê tông ly tâm được bố trí dây tiếp đất đảm bảo quy định. Móng cột bê tông, các xà giá máy đỡ biến áp, thang treo... trên tuyến được làm từ thép hình mạ kẽm nhúng nóng theo quy chuẩn kỹ thuật hiện hành.

Xã Đông Tiến đã phối hợp với Điện lực Đông Sơn thay thế, tu sửa, bảo dưỡng, cung cấp điện ổn định cho các hộ dân đủ điện sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh, tỷ lệ dùng điện của địa phương là 100% (1.647hộ/1.647hộ); Hành lang an toàn điện đảm bảo, hệ thống điện đảm bảo an toàn, không xảy ra tai nạn điện chết người, mất điện kéo dài trong mùa mưa bão.

Trạm biến áp phân phối: có hệ thống tiếp địa trạm đảm bảo theo quy định hiện hành, đảm bảo về nguồn cung cấp và chất lượng điện cho người dân; số công tơ đo đếm điện năng cho nhân dân còn trong thời gian kiểm định, đảm bảo quy định hiện hành; cột trạm được thiết kế là cột bê tông ly tâm, móng cột bê tông, các xà giá máy đỡ biến áp, thang treo,... được mạ kẽm nhúng nóng theo quy định hiện hành.

- Đường dây hạ áp có khoảng cách thẳng đứng đến mặt đất tự nhiên khu vực đông dân cư >5,5m đảm bảo theo quy định hiện hành; khoảng cách đến mặt đường ô tô > 5m; có hệ thống tiếp đất.

- Hệ thống công tơ điện và dây dẫn về các hộ gia đình: Hòm đựng công tơ bằng chất liệu composite, đảm bảo tiêu chuẩn; công tơ điện dùng cho các hộ gia đình đảm bảo về quy cách, mẫu mã và chất lượng theo quy định của cơ quan có thẩm quyền, đang còn trong thời gian kiểm định; dây nối dẫn các hộ dân là dây bọc, đảm bảo về chất lượng dẫn điện và an toàn điện; hành lang an toàn điện đảm bảo.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 04 về Điện: Đạt.

4.5. Tiêu chí số 05 về Giáo dục:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2: 100%.

5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi (Đạt).

5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS (Mức độ 3).

5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ (Mức độ 2)

5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại: Khá.

5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền (Đạt).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 5.1: Xã Đông Tiến có 3 trường học với 3 cấp học và 01 Trung tâm học tập cộng đồng. Cả 3 trường đều đạt chuẩn quốc gia, trong đó có 01 trường đạt chuẩn mức độ 2, gồm: Trường MN Đông Tiến đã đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 theo Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 04/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa; Trường TH Đông Tiến đã đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 1485/QĐ-UBND ngày 05/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa; Trường THCS Đông Tiến đã đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 1494/QĐ-UBND ngày 08/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

- Chỉ tiêu 5.2: Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, kết quả cụ thể:

Năm 2021: Đã đạt chuẩn PCGDMN trẻ em 5 tuổi theo Quyết định số 8991/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện về việc công nhận kết quả đạt chuẩn PCGD-XMC năm 2021.

Năm 2022: Đã đạt chuẩn PCGDMN trẻ em 5 tuổi theo Quyết định số 3940/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện về việc công nhận kết quả đạt chuẩn PCGD-XMC năm 2022: Tỷ lệ trẻ 5 tuổi đến lớp đạt 100% (82/82); tỷ lệ trẻ 6 tuổi hoàn thành chương trình GDMN đạt 100% (71/71).

- Chỉ tiêu 5.3: Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS (Mức độ 3), kết quả:

Năm 2021: Đã đạt chuẩn PCGDTH và PCTHCS mức độ 3 theo Quyết định số 8991/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện về việc công nhận kết quả đạt chuẩn PCGD-XMC năm 2021.

Năm 2022: Đã đạt chuẩn PCGDTH và PCTHCS mức độ 3 Quyết định số 3940/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện về việc công nhận kết quả đạt chuẩn PCGD-XMC năm 2022, cụ thể: Phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3: tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100% (71/71.); tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình GDTH đạt 99.66% (293/294). Phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3: tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15-18 tuổi tốt nghiệp THCS đạt 99,22% (255/257); tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15-18 tuổi đang học chương trình GDPT hoặc GDTX cấp THPT hoặc GDNH đạt 99,22% (255/257).

- Chỉ tiêu 5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ Mức độ 2 theo Quyết định số 3940/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn (tỷ lệ người trong độ tuổi từ 15-25 được công nhận biết chữ đạt 100% (738/738); tỷ lệ người trong độ tuổi từ 15-35 được công nhận biết chữ đạt 100% (2037/2037); tỷ lệ người trong độ tuổi từ 15-60 được công nhận biết chữ đạt 100% (4074/4074).

- Chỉ tiêu số 5.5: Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại tốt, TTHTCĐ của xã nhiều năm liên tục đạt loại Tốt, được huyện đánh giá tốt Theo các Quyết định số 3370/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 và Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn.

- Chỉ tiêu 5.6: Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.

Xã xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch theo hướng xã hội hóa về mô hình giáo dục thể chất cho học sinh, phù hợp với điều kiện thực tế, đặc điểm lứa tuổi của học sinh: Dạy bơi trong dịp hè hàng năm; nhảy dân vũ tập thể; võ thuật truyền thống; chỉ đạo các nhà trường thành lập và duy trì hoạt động các câu lạc bộ thể dục, thể thao rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.

Năm học 2022-2023, Chủ tịch UBND xã ban hành Kế hoạch số 125/KH-UBND ngày 10/8/2022 về việc phê duyệt kế hoạch giáo dục thể chất và hoạt động thể thao năm 2022. Trên cơ sở Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học và đặc thù của trường, các nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục thể chất, thành lập câu lạc bộ cầu lông, dân vũ thể thao, võ vovinam... theo hướng xã hội hóa, thu hút được sự quan tâm, phối hợp tổ chức thực hiện của cấp ủy, chính quyền và các tổ chức chính trị xã hội các cấp, các lực lượng trong và ngoài nhà trường...; Tổ chức cho học sinh tập luyện, hoạt động thường xuyên, có hiệu quả theo năm học, cụ thể: Kế hoạch số 52/KH-THCS ngày 28/9/2022 của Trường THCS Đông Tiến về Giáo dục thể chất, hoạt động thể thao năm học 2022-2023, mô hình CLB cầu lông theo Quyết định số 55/QĐ-THCS ngày 01/10/2022 về việc công nhận thành lập CLB cầu lông; CLB bóng đá theo Quyết định số 56/QĐ-THCS ngày 01/10/2022 về việc công nhận thành lập CLB bóng đá trường THCS, kèm theo Quy chế, Điều lệ hoạt động, danh sách ban Chủ nhiệm và các thành viên; Trường tiểu học Đông Tiến có Kế hoạch số 51/KH-THCS ngày 15/9/2022, về kế hoạch giáo dục thể chất năm học 2022-2023, mô hình CLB Đá cầu theo Quyết định số 25/QĐ-THCS ngày 01/10/2022 về việc công nhận thành lập CLB thể chất đá cầu trường tiểu học Đông Tiến, kèm theo Quy chế, Điều lệ hoạt động, danh sách ban chủ nhiệm và các thành viên; Trường MN Đông Tiến có Kế hoạch số 35/KH-MN ngày 15/9/2022 của Trường Mầm non Đông Tiến về giáo dục thể chất năm học 2022-2023;

Các mô hình giáo dục thể chất của các trường đã giúp học sinh được trang bị kiến thức, kỹ năng an toàn trong hoạt động, trong sinh hoạt hàng ngày. Các hoạt động thể dục thể thao của nhà trường đã thu hút được sự tham gia ngày càng đông đảo của cán bộ giáo viên và học sinh trong nhà trường, các câu lạc bộ hoạt động sôi nổi tạo sân chơi lành mạnh bổ ích cho các em. Các câu lạc bộ đã duy trì hoạt động thường xuyên, liên tục và hiệu quả, tạo sân chơi lành mạnh bổ ích cho các em. CBGV và học sinh tham gia giao lưu nhiều giải đấu trên địa bàn xã và huyện, giành được nhiều thành tích, được UBND xã và các nhà trường tặng nhiều giấy khen năm học 2022-2023.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 05 về Giáo dục: Đạt yêu cầu.

4. 6. Tiêu chí 06 về Văn hóa:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên.

- Có 70% các điểm công cộng trên địa bàn xã được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời.

- Có các mô hình hoạt động của các câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thôn, bản và tổ chức đa dạng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao đảm bảo thu hút tối thiểu 40% người dân tham gia thường xuyên.

- Triển khai thực hiện các hoạt động thư viện

6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định. (Đạt)

6.3. Tỷ lệ thôn, bản đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới: $\geq 75\%$ đạt tiêu chuẩn văn hóa trong 3 năm liên tục ($\geq 78\%$ trong năm xét, công nhận hoặc năm liền kề). $\geq 50\%$ đạt chuẩn nông thôn mới.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 6.1: Trung tâm văn hoá – Thể thao xã được quy hoạch ở khu vực trung tâm xã, đầu tư xây dựng năm 2017, riêng biệt bên ngoài khu vực công sở của xã; quy mô 700 m², 250 chỗ ngồi; 100 m² sân khấu, có lối vào cánh gà hai bên, có đầy đủ cơ sở vật chất đảm bảo tổ chức hoạt động. Nhà thi đấu đa năng xã được quy hoạch xây dựng đảm bảo quy chuẩn với 01 khán đài, 02 sân bóng chuyền hơi, 02 sân cầu lông; sân vận động được quy hoạch xây dựng diện tích 10.800 m², có đường pít, rãnh thoát nước; sân bóng đá đảm bảo diện tích 60m x 90m. Hàng năm tổ chức từ 6-8 giải thể thao toàn xã; ngoài sân bóng đá đảm bảo phục vụ nhu cầu tập luyện, vui chơi, giải trí của nhân dân.

Nhà văn hoá – Khu thể thao: Xã có 6/6 thôn đều nhà văn hóa. Trong đó có 03 nhà xây dựng mới, 03 nhà nâng cấp, cải tạo đảm bảo diện tích và số chỗ ngồi theo quy định. Khuôn viên nhà văn hoá có hệ thống tường rào thoáng bao quanh, được trồng cây hướng phủ xanh tường rào. Khu thể thao được trang bị các dụng cụ thể thao ngoài trời đáp ứng các hoạt động vui chơi, giải trí của cộng đồng dân cư. Xã có trên 70% các điểm công cộng được lắp đặt dụng cụ thể thao ngoài trời đáp ứng các hoạt động vui chơi, giải trí, luyện tập thể dục, thể thao nâng cao sức khoẻ cho người dân.

Xã thường xuyên tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn minh, thực hành tiết kiệm trong cưới tang, lễ hội, ngày giỗ, ngày lễ; xây dựng nếp sống văn minh nơi cộng đồng, gieo tiếp ứng xử văn hóa trong sinh hoạt cộng đồng; bảo vệ cảnh quan, thiên nhiên, môi trường và giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội, phòng chống các tệ nạn xã hội. Xã đã triển khai mô hình hoạt động CLB hát Chèo, thu hút 40% người dân trên địa bàn xã tham gia hoạt động thường xuyên.

Hàng năm xã tổ chức 8-10 giải thể thao quần chúng, thu hút đông đảo người dân tham gia, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho các nhà văn hoá, câu lạc bộ văn hoá thể thao, điểm hoạt động thể thao ở các thôn tham gia các hội thi, hội diễn, tạo phong trào sôi nổi ở khu dân cư. Triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện 9 CLB trong đó có 6 CLB VH-VH-TD-TT; 03 CLB văn nghệ được tổ chức và hoạt động thường xuyên thu hút 55% dân số trên địa bàn xã tham gia.

Hoạt động thư viện, xã có phòng đọc trên 500 đầu sách báo; 04 máy tính kết nối Internet phục vụ người dân tra cứu, học tập.

- Chỉ tiêu 6.2: Xã Đông Tiến có 01 di tích cấp Quốc gia (đền thờ và lăng mộ Tướng quân Thiệu Thốn, thôn Nhuận Thạch xã Đông Tiến). Xã đã ban hành kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 15/11/2021 về việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, tuyên truyền, giới thiệu quảng bá về di sản văn hóa trên địa bàn xã Đông Tiến, đạt 100% di tích trên địa bàn được Ban quản lý di tích, ban hành quy chế hoạt động của Ban quản lý di tích; tuyên truyền, giới thiệu quảng bá về di sản văn hóa trên trang fanpage tại địa chỉ: Tên fanpage: “UBND xã ĐÔNG TIẾN” là kênh thông tin tuyên truyền chính thống được tạo lập trên nền tảng mạng xã hội facebook; Địa chỉ kênh (đường Link) <https://www.facebook.com/UBND-x%C3%A3-%C4%90%C3%94NG-TIẾN-103197459228639/>. Xã không để xảy ra các hoạt động khiếu nại, khiếu kiện về di tích, danh thắng; không vi phạm trong hoạt động trùng tu, tu bổ, tôn tạo di tích theo quy định.

- Chỉ tiêu 6.3: 6/6 thôn trên địa bàn xã đạt danh hiệu thôn văn hoá 3 năm liên tục, đạt 100%, trong đó có 1 thôn được Chủ tịch UBND huyện tặng giấy khen thôn văn hóa 5 năm liên tục 2018- 2022 đạt tỷ lệ 33% (thôn Nhuận Thạch, thôn Triệu Tiên).

Trên địa bàn xã có tổng số hộ là 1.647 hộ, trong đó 1.498 hộ đạt danh hiệu gia đình văn hoá 3 năm liên tục, tỷ lệ đạt 91%; có 235 hộ được tặng giấy khen đạt danh hiệu Gia đình văn hoá trong 3 năm liên tục đạt tỷ lệ 15%.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 06 về Văn hóa: Đạt.

4.7. Tiêu chí 07 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm (Nếu xã không có chợ đang hoạt động thì có cửa hàng, siêu thị, cửa hàng tiện lợi đạt an toàn thực phẩm theo quy định). Đạt

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Thực hiện Quyết định số 4388/QĐ-UBND ngày 9/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá về việc điều chỉnh quy hoạch phát triển hệ thống chợ trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá đến năm 2020 định hướng đến năm 2025, xã Đông Tiến không quy hoạch chợ nông thôn. Hiện tại, trên địa bàn xã Đông Tiến có 01 cơ sở bán lẻ cửa hàng thực phẩm sạch Đông Tiến, người đại diện: Phạm Thị Khánh, Địa

chỉ: Thôn Triệu Xá 1 – xã Đông Tiến - Huyện Đông Sơn – Thanh Hóa, số điện Thoại: 0986544402.

Cửa hàng xây dựng kiên cố có diện tích 100m², vững chắc, đảm bảo các yêu cầu phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh an toàn môi trường, an toàn thuận tiện cho khách hàng; chủng loại hàng hóa đa dạng bao gồm các sản phẩm tiêu dùng thiết yếu phục vụ nhu cầu của người dân; danh mục hàng hóa có trên 200 tên hàng; có đầy đủ trang thiết bị cần thiết (Tủ đông, tủ mát, kệ, giá...) để bảo quản hàng hóa, đáp ứng nhu cầu mua sắm của nhân dân; được bố trí hàng hóa một cách gọn gàng, văn minh, khoa học theo từng nhóm sản phẩm, thuận tiện cho khách hàng lựa chọn, mua sắm và thanh toán. Các nhóm hàng kinh doanh thuộc nhóm hàng hóa có điều kiện, đảm bảo có giấy phép kinh doanh và cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 07 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: Đạt yêu cầu.

4. 8. Tiêu chí số 8: Thông tin và truyền thông.

a. Yêu cầu tiêu chí:

8.1: Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân. (Đạt)

8.2: Có tỷ lệ dân số theo độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt tối thiểu 50% đối với xã đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo; tối thiểu 80% đối với các xã còn lại. (Đạt)

8.3: Có dịch vụ báo chí truyền thông. (Đạt)

8.4: Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới. (Đạt)

8.5: Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng). (Đạt)

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 8.1, xã Đông Tiến có điểm phục vụ Bưu chính là Bưu điện xã Đông Tiến, Mã số hiệu 445230; Bán kính phục vụ bình quân 2 km. Diện tích điểm phục vụ 200m², đáp ứng các quy định của Bộ thông tin và truyền thông về diện tích, bán kính phục vụ, thực hiện niêm yết thời gian phục vụ, niêm yết nội quy sử dụng và treo biển hiệu theo quy định; đáp ứng tiêu chuẩn về mặt bằng, trang thiết bị theo quy định của ngành. Tại điểm bưu điện văn hóa xã có máy tính kết nối internet tại điểm phục vụ. Nhân viên tại Điểm phục vụ có khả năng sử dụng thành thạo và hướng dẫn được cho người dân sử dụng các dịch vụ công trực tuyến. Điểm bưu điện văn hóa xã có khả năng tiếp nhận và trả hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến theo yêu cầu của người dân.

- Chỉ tiêu 8.2: Số người trong độ tuổi lao động sử dụng điện thoại thông minh là 2.770 người/3250 người trong độ tuổi lao động, đạt 85%. Hiện nay, việc

sử dụng điện thoại thông minh của người dân trên địa bàn xã là khá phổ biến, ngoài việc nghe và gọi, người dân còn sử dụng điện thoại thông minh vào nhiều mục đích khác như truy cập internet, chia sẻ trên mạng xã hội, nghe nhạc, xem phim, chụp ảnh, quay video, giải trí, học tập; khai thác, sử dụng nhiều ứng dụng khác như thanh toán hoá đơn, chuyển tiền, gửi email, tìm đường.

- Chỉ tiêu 8.3: 100% số thôn trong xã có hệ thống loa hoạt động thường xuyên; cơ sở vật chất, xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến thôn và có 01 đài truyền thanh; 6/6 thôn có 24 cụm loa với 46 loa đang hoạt động và đều được phủ sóng. Việc thông tin, tuyên truyền, luôn được Đài truyền thanh duy trì hoạt động tốt, đảm bảo truyền tải các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với cán bộ và nhân dân trên địa bàn xã. 100% số thôn trong xã có hộ gia đình thu xem được một trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng internet; Xã có 1 điểm cung cấp xuất bản phẩm tại thôn Triệu Xá 1 (Cửa hàng Tuyết Thường), cung cấp các loại sách giáo khoa, các ấn phẩm, tạp chí chủ yếu phục vụ nhu cầu của học sinh và người dân trong thôn, góp phần thúc đẩy, nâng cao nhận thức, văn hóa của học sinh và người dân trong thôn, cửa hàng hoạt động đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Chỉ tiêu 8.4: Từ tháng 01/01/2022 đến tháng 31/12/2022, tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính là 2.314 trong đó trên hệ thống phần mềm một cửa điện tử xã là 2.314 Hồ sơ; chứng thực điện tử trên cổng dịch vụ công quốc gia thuộc phần mềm dịch vụ công do Sở Tư pháp triển khai 68 hồ sơ. Hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3, 4 là 567 hồ sơ; tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã là 2314/2314 đạt 100%. Năm 2023, từ 01/01/2023 đến tháng 8/2023 tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính là 770, trong đó trên hệ thống phần mềm một cửa điện tử xã là 770 Hồ sơ; chứng thực điện tử trên cổng dịch vụ công quốc gia do Sở Tư pháp triển khai 173 hồ sơ. Hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3, 4 là 567 hồ sơ; Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã là 770/770 đạt 100%.

Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức kỹ năng số và an toàn thông tin đạt 100% (21/21 cán bộ, công chức của xã) được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức kỹ năng số và an toàn thông tin. Ngoài việc tham gia các lớp tập huấn do Sở Thông tin và Truyền thông, UBND xã, cán bộ, công chức của xã còn được tham gia các lớp tập huấn online do Bộ Thông tin và Truyền thông và các đơn vị khác tổ chức, qua đó đã góp phần nâng cao kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin trong việc sử dụng các trang thiết bị, phần mềm ứng dụng CNTT, góp phần tích cực vào việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của cán bộ, công chức xã.

Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản, trên cơ sở các tài liệu, nội dung, hướng dẫn thực hiện chuyển đổi số do Bộ Thông tin và Truyền thông, Sở Thông tin và Truyền thông, UBND huyện hướng dẫn, xã đã chủ động, tích cực thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản đến người dân

trong xã thông qua hệ thống Đài truyền thanh cơ sở; triển khai in ấn, phát hành các tài liệu và phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, UBND xã mở các lớp tập huấn tuyên truyền để phổ biến, nâng cao kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản cho người dân, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao nhận thức, văn hoá và khả năng khai thác, sử dụng các thiết bị, ứng dụng của người dân trên địa bàn xã. Đến nay, tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản của xã là 2770/3250 người (đạt tỷ lệ 85,23%).

Sản phẩm OCOP của xã được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử (postmart.vn hoặc voso.vn) 05/5 sản phẩm được UBND tỉnh công nhận là sản phẩm OCOP (Dưa Kim Hoàng Hậu, Dưa chuột Baby- Thiên Trường 36, Măng Tây Hiền Nhuận, Trứng sạch Hiền Nhuận, Bí xanh sơ chế, Hiền Nhuận). UBND xã đã phối hợp với Bưu điện huyện Đông Sơn, phòng Văn hoá và Thông tin để đưa sản phẩm OCOP của xã giới thiệu và quảng bá trên sàn thương mại điện tử của Tổng công ty bưu điện Việt Nam (Postmart.vn), góp phần thúc đẩy, nâng cao giá trị thương hiệu, mở rộng thị trường cho sản phẩm.

Tỷ lệ hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích được thông báo gắn biển địa chỉ số đến từng điểm địa chỉ: 1.647; số hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích dự kiến được thông báo gắn biển địa chỉ số đến từng điểm địa chỉ 1.647/1.647 hộ, đạt 100%. Tuy nhiên, hiện nay do Bưu điện Việt Nam chưa thực hiện thông báo địa số cho các đơn vị trên địa bàn tỉnh để thực hiện triển khai gắn biển địa chỉ số, do đó nội dung này chưa thể triển khai được. Xã cam kết sẽ phối hợp triển khai nghiêm túc nội dung này sau khi có hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông và UBND huyện Đông Sơn theo quy định.

- Chỉ tiêu 8.5, tại trụ Sở UBND xã và Hội trường UBND xã đã được lắp đặt các wifi phục vụ nhu cầu sử dụng của cán bộ, công chức xã và người dân đến làm việc tại xã, 6/6 thôn, trạm y tế, bưu điện, công an, các trường học trên địa bàn xã cũng đã được lắp đặt wifi miễn phí phục vụ tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, dễ dàng truy cập internet, sử dụng các dịch vụ số.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 8 về Thông Tin và Tuyên truyền: Đạt.

4. 9. Tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư.

a. Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố: $\geq 90\%$.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Tổng số hộ có nhà ở trong xã 1.647 hộ; trong đó, số hộ ở nhà tạm, nhà dột nát: 0 hộ; số hộ có nhà ở bán kiên cố và chưa đạt chuẩn 0 hộ. Tổng số hộ có nhà ở đạt chuẩn BXD 1.556 hộ, đạt tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt chuẩn BXD 1.556/1.647 nhà, đạt 94,5% hộ; kiến trúc nhà ở dân cư phù hợp với phong tục tập quán sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn xã; các khu dân cư đã được chỉnh trang, đảm bảo xanh, sạch đẹp (như trồng hoa 2 bên đường; làm rãnh thoát nước có nắp

đây; bố trí cột đèn đường; cắt tỉa cây làm thông thoáng tầm nhìn; các hộ dân đã cơ bản chỉnh trang, sơn lại nhà cửa tường rào...vv).

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 9 về nhà ở dân cư: Đạt yêu cầu.

4. 10. Tiêu chí số 10 về thu nhập

a. Yêu cầu của tiêu chí:

Tiêu chí số 10: Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người), năm 2023: ≥ 58 .

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Hàng năm, Đảng ủy xã đã có nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội. Theo đó, UBND xã xây dựng kế hoạch và chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ từ sản xuất nông nghiệp theo hướng liên kết, chuỗi giá trị, cải tạo vườn hộ, trồng các loại cây có giá trị kinh tế cao, chăn nuôi gia súc, gia cầm... đến duy trì, mở rộng các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, thu hút vốn đầu tư, tạo việc làm; từng bước chuyển dịch cơ cấu lao động. Các doanh nghiệp và cơ sở kinh doanh đã tạo công ăn việc làm ổn định cho nhiều lao động tại địa phương, đặc biệt là các khu công nghiệp của huyện và thành phố Thanh Hóa đã thu hút và giải quyết nhiều việc làm với số lượng lớn lao động của xã, góp phần nâng cao mức thu nhập bình quân đầu người toàn xã. Sản xuất nông nghiệp có nhiều mô hình phát triển kinh tế có hiệu quả cao như: Dưa vàng Kim Hoàng hậu, trứng sạch, mô hình trồng rau màu, măng tây xanh, Bí xanh ... đã đem lại thu nhập cao cho người dân như: mô hình trồng trồng dưa vàng trong nhà màng, nhà lưới, mô hình phát triển kinh tế trang trại, vườn hộ được chỉnh trang, cải tạo trồng những cây có giá trị và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.... Vì vậy, đời sống của nhân dân không ngừng được nâng cao, thu nhập bình quân đầu người cũng tăng liên tục qua các năm.

Đến tháng 8/2023, thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn xã Đông Tiến đạt 68,73 triệu đồng/người/năm

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 10 về Thu nhập: Đạt.

4.11. Tiêu chí số 11 về nghèo đa chiều

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2023-2025 vùng 2: $< 4 \%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tổng số hộ nghèo đa chiều của xã tại thời điểm báo cáo 07 hộ, trong đó 06 hộ nghèo không có khả năng lao động. Tổng số hộ nghèo của xã (đã trừ đi số hộ nghèo không có khả năng lao động) là 01 hộ.

$$\text{Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều của xã} = \frac{7-6}{1643-6} \times 100\% = 0,06\%$$

- Tổng số hộ cận nghèo của xã tại thời điểm thăm tra 19 hộ, trong đó 7 hộ cận nghèo không có khả năng lao động. Tổng số hộ cận nghèo của xã (đã trừ đi số hộ cận nghèo không có khả năng lao động) là 12 hộ.

$$\text{Tỷ lệ hộ cận nghèo của xã} = \frac{19-7}{1643-7} \times 100\% = 0,73\%$$

Tỷ lệ nghèo đa chiều của xã được xác định bằng tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo đa chiều (trừ hộ nghèo, hộ cận nghèo không có khả năng lao động)

$$\text{Tỷ lệ nghèo đa chiều (\%)} = 0,06 + 0,73 = 0,79 \%$$

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 11 Nghèo đa chiều: Đạt.

4.12. Tiêu chí 12 về Lao động

a) Yêu cầu của tiêu chí:

12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ): $\geq 80\%$

12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ): $\geq 30 \%$

12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn: Nông, lâm, ngư nghiệp $< 30\%$ hoặc Công nghiệp - Xây dựng $> 40\%$ hoặc Dịch vụ $> 30\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Toàn xã có lực lượng lao động 2.917 người; lao động qua đào tạo 2.364 người; lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ 1.026 người, đạt tỷ lệ:

$$\text{- Tỷ lệ lao động qua đào tạo (\%)} = \frac{2364}{2917} \times 100\% = 81,04\%$$

$$\text{- Tỷ lệ LĐ qua ĐT có bằng cấp, chứng chỉ (\%)} = \frac{1026}{2917} \times 100\% = 35,17 \%$$

- Ngành kinh tế chủ lực của xã là ngành công nghiệp, xây dựng (được công nhận tại công văn số 669/UBND-LĐTBXH ngày 07/4/2023 của UBND huyện Đông Sơn).

$$\text{Tỷ lệ LĐ LV trong lĩnh vực CN, XD (\%)} = \frac{1929}{2917} \times 100\% = 66,13 \%$$

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 12 Lao Động: Đạt

4.13. Tiêu chí 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn

a) Yêu cầu của tiêu chí:

13.1 Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định. ≥ 1

13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn. (Đạt).

13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm. ≥ 1

13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã. ≥ 1 sản phẩm.

13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử. $\geq 10\%$.

13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng. Đạt (nếu có).

13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội. (Đạt)

13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường) ≥ 1 mô hình.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định.

Xã Đông Tiến có 02 HTX nông nghiệp hoạt động theo Luật HTX 2012:

+ HTX dịch vụ Cơ giới hóa nông nghiệp Đông Tiến được thành lập năm 2012 hoạt động theo phương thức dịch vụ, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh dưới sự quản lý của UBND xã, hiện tại HTX có 11 thành viên tham gia, và được chuyển đổi hoạt động theo Luật HTX năm 2012. Các thành viên góp vốn bằng tiền Việt Nam đồng, mức đóng góp tối đa không quá 20% vốn điều lệ của HTX, vốn điều lệ của HTX là 5.000.000.000 đồng. Hoạt động của HTX luôn có lãi, đảm bảo đời sống cho các thành viên trong HTX. HTX sản xuất, kinh doanh chủ yếu trên một số ngành nghề như: dịch vụ giải phóng đất, thu hoạch lúa bằng máy gặt, tưới tiêu, bảo vệ sản xuất, dịch vụ thủy lợi nội đồng và dịch vụ thuốc bảo vệ thực vật, liên kết sản xuất lúa và bao tiêu sản phẩm cho người dân trên địa bàn. HTX là trung gian ký kết với công ty cổ phần thương mại Sao Khuê trong tiêu thụ sản phẩm chủ lực của xã là gạo và cung ứng thuốc bảo vệ thực vật cho xã viên và nhân dân. Có lợi nhuận hơn 400 triệu đồng, có mô hình liên kết gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực của xã, bước đầu đã đem lại hiệu quả, tạo được niềm tin của xã viên và nhân dân trong xã.

+ HTX Nông nghiệp sinh thái Happy Farm, thành lập năm 2021 hoạt động theo luật hợp tác xã năm 2012 với số lượng thành viên HTX 13 người. Tổng số vốn góp 1.000.000.000 đồng bao gồm trụ sở và đất đai của HTX Nông nghiệp sinh thái Happy Farm. HTX Nông nghiệp sinh thái Happy Farm đảm nhiệm các khâu dịch vụ gồm: Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa; trồng cây hàng năm; bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống; bán buôn thực phẩm; đại lý du lịch; dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch.

- Chỉ tiêu 13.2, có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn.

Trên địa bàn xã có 05 sản phẩm đã được UBND tỉnh phê duyệt kết quả

đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP tỉnh Thanh Hóa bao gồm: Trúng sạch Hiền Nhuần của Công ty TNHH SXTM & DV Hiền Nhuần được công nhận lại tại Quyết định số 5445/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa; Bí xanh sơ chế Hiền Nhuần của Công ty TNHH SXTM & DV Hiền Nhuần, được công nhận; Quyết định số 4760/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa; Măng tây xanh Hiền Nhuần của Công ty TNHH SXTM & DV Hiền Nhuần, được công nhận; Dưa kim hoàng hậu Thiên Trường 36 của Công ty TNHH MTV CNC Thiên Trường 36, được công nhận Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 19/02/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa; Dưa chuột baby Thiên Trường 36 của Công ty TNHH MTV CNC Thiên Trường 36, được công nhận Quyết định số 4549/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa

- Chỉ tiêu 13.3, có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm.

Mô hình cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã Đông Tiến đã được xã duy trì, áp dụng trong nhiều năm với số lượng máy móc nông nghiệp phục vụ sản xuất nông nghiệp gồm các khâu:

+ Khâu làm đất: 12 máy làm đất (trong đó: HTX: 7 máy, thuê ngoài 5 máy), loại máy: Kubota B2420; công suất: 8 sào/h; mô hình thực hiện khâu làm đất hết 5,2 ngày và thực hiện dịch vụ cày bừa cho người dân trong xã ngoài vùng thực hiện mô hình là 99,86 ha trong thời gian 2,6 ngày đã đáp ứng kịp thời vụ.

+ Khâu gieo trồng có 6 máy cấy, 1 máy làm mạ khay 10.000 khay/ngày (trong đó HTX 3 máy, thuê ngoài 3 máy), loại máy Kubota SL-K800WN, công suất 5ha/ngày/8h; mô hình thực hiện khâu gieo trồng hết 6 ngày.

+ Khâu chăm sóc, với số lượng 211 bình bơm động cơ điện, phục vụ cho nhân dân phòng trừ sâu bệnh, phun thuốc trừ cỏ;

+ Khâu thu hoạch: Có 7 máy gặt liên hợp (trong đó HTX 3 máy, thuê ngoài 4 máy), loại máy Kubota DC60; công suất: 14ha/ngày/8h, bình quân một ngày gặt được 98ha, thời gian thu hoạch của mô hình khoảng 02 ngày.

Tỷ lệ các khâu được cơ giới hóa: Khâu làm đất 299,86/299,86ha đạt 100%; khâu gieo trồng 200/299,86ha đạt 66,7%. Khâu gieo trồng chỉ đạt 66,7% do có nhiều vùng trũng chưa thể đưa máy vào sản xuất; khâu chăm sóc 200/299,86ha đạt 66,7%; khâu thu hoạch 299,86/299,86ha đạt 100%; khâu trong sản xuất lúa đạt 88/100 điểm.

- Chỉ tiêu 13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã

Xác định Gạo là sản phẩm chủ lực, xã Đông Tiến đã tập trung chỉ đạo, tuyên truyền cho nhân dân về sản xuất lúa an toàn, ghi nhật ký quá trình canh tác để phục vụ truy xuất nguồn gốc sản phẩm; duy trì và phát triển vùng sản xuất lúa tập trung, năng suất chất lượng hiệu quả cao, quy mô 200/599,72 ha, chiếm 33,35% diện tích sản xuất lúa trên địa bàn xã; 70 tạ/ha; Sản lượng: 4.198 tấn; giá

trị sản xuất lúa: 33,58 tỷ đồng chiếm 26,86% giá trị sản xuất của toàn ngành nông nghiệp.

Kết quả ứng dụng chuyển đổi số để truy xuất nguồn gốc, tuân thủ chế độ ghi chép nhật ký canh tác của vùng sản xuất lúa tập trung. Công ty cổ phần thương mại Sao Khuê đầu mối với đơn vị cung cấp dịch vụ truy xuất nguồn gốc sản phẩm là Công ty cổ phần Icheck để ký kết hợp đồng thiết lập hệ thống điện tử truy xuất nguồn gốc và cấp tem cho sản phẩm gạo của xã. Đến nay, đã có 55.000 tem được dán trên bao bì sản phẩm, phục vụ cho công tác truy xuất nguồn gốc sản phẩm ở từng công đoạn. Lượng gạo đưa ra thị trường hiện nay: 1.400 tấn được liên kết tiêu thụ, giá trị tăng gấp 1,5 lần so với sản xuất bình thường.

- Chỉ tiêu 13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử. (tỷ lệ đạt $\geq 10\%$).

Sản phẩm chủ lực của xã là gạo, hợp tác xã đã liên kết tiêu thụ lúa tươi với công ty cổ phần thương mại Sao Khuê với diện tích 200 ha/599,72 ha, chiếm 33,35% diện tích toàn xã. Công ty Sao Khuê đã ký hợp đồng với công ty cổ phần Icheck về việc làm mã QR hiện thị tất cả các quy trình từ khâu sản xuất đến việc bảo quản, chế biến thương mại. Người tiêu dùng có thể quét mã tem sẽ ra đầy đủ các thông tin cần thiết. Sản phẩm gạo được đem ra thị trường tiêu thụ là gạo Thanh Hương 2. Được công ty giới thiệu trên trang <http://Saokhue.vn.com> và trang nông sản an toàn <http://WWW.nongsanantoanThanhHoa.Vn>.

- Chỉ tiêu 13.6. Vùng nguyên liệu tập trung 200 ha, số hộ tham gia 1.032 hộ; năng suất bình quân đạt 70 tạ/ha; sản lượng: 1.400 tấn. Giá trị sản xuất lúa 11,2 tỷ đồng chiếm 33,35% tổng giá trị sản xuất lúa, là sản phẩm nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng. Trong đó, UBND chỉ đạo và giao HTX Cơ giới hóa Đông Tiến triển khai thực hiện vùng trồng lúa tập trung với Mã số vùng trồng: VN-38-405-16405-3-22; vùng trồng tại Thôn Nhuận Thạch và Thôn Triệu Tiên, xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Diện tích với quy mô 4,99 ha, 24 hộ tham gia, sản lượng dự kiến 30 tấn. Tiêu chuẩn áp dụng: Đủ điều kiện ATTP.

- Chỉ tiêu 13.7. Triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội.

Xã thường xuyên tuyên truyền và quảng bá di sản văn hóa chung cả huyện và các hình ảnh hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao của xã trên Trang thông tin từ xã Đông Tiến, Cổng thông tin điện tử huyện Đông Sơn, trang Fanpage: Xã Đông Tiến có 01 di tích cấp Quốc gia (đền thờ và lăng mộ Tướng quân Thiệu Thôn, thôn Nhuận Thạch xã Đông Tiến). Các sản phẩm đạt OCOP. Đã quảng bá rộng rãi trên hệ thống Zalo; trang Fanpage ... qua ứng dụng Internet.

- Chỉ tiêu 13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)

Mô hình Dưa kim hoàng hậu của Trang trại nông nghiệp hữu cơ ứng dụng công nghệ cao Thiên Trường. Địa chỉ: Xứ đồng Bãi Man – Thôn Triệu Tiên – Xã Đông Tiến – Huyện Đông Sơn – Tỉnh Thanh Hóa, với diện tích 16.000 m²; loại

hình sản xuất kinh doanh Trang trại. Kết quả thực hiện mô hình năm 2022, sản lượng đạt 70.000 kg; doanh thu đạt 2.800 triệu đồng, chi phí sản xuất 2.154.632.000đ; lợi nhuận: 645.368.000đ, ngoài ra, mô hình kết hợp sản xuất quy mô nhỏ lẻ, truyền thống, lợi nhuận đạt dưới 300 triệu đồng/năm. Mô hình Dưa đã tạo công ăn việc làm thường xuyên cho 13 lao động trong xã với mức thu nhập mỗi lao động dao động từ 8,5-10 triệu đồng/tháng, cao hơn mức thu nhập bình quân của xã khoảng 42,27 triệu đồng/người/năm (Thu nhập bình quân đầu người của xã 68,73 triệu đồng/người/năm).

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn: Đạt.

4.14. Tiêu chí 14 về Y tế:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ). $\geq 95\%$.

14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 90\%$.

14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 40\%$.

14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử: $\geq 70\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 14.1: **Tổng số dân có hộ khẩu trên địa bàn xã 5.580 người. Tổng số người có thẻ BHYT của xã: 5.509 người, trong đó, số người thoát ly vào lực lượng vũ trang và thân nhân (quân đội) 52 người; Số người có thẻ BHYT (được cấp và mua thẻ) 4.776 người; Số người có hộ khẩu tại xã tham gia BHYT tại các xã, các huyện trong tỉnh 681 người. Tỷ lệ tham gia BHYT 5.509/5.580, đạt 98.73%.**

- Chỉ tiêu 14.2: Trạm y tế xã Đông Tiến được đầu tư xây dựng gồm 2 khu, diện tích 1.120 m² và 10 phòng chức năng, 6 giường bệnh. Cơ sở hạ tầng được đầu tư, sửa chữa, hàng năm được trung tâm y tế bổ sung một số trang thiết bị chuyên môn phục vụ công tác khám chữa bệnh đạt hiệu quả. Thuốc thiết yếu trong danh mục BHYT và tủ thuốc tại trạm y tế cung ứng đầy đủ phục vụ nhân dân. Trạm y tế có vườn mẫu thuốc nam có đủ 70 loại theo qui định của bộ y tế, hướng dẫn cho nhân dân hái và sử dụng điều trị các bệnh thông thường. Nhân lực trạm y tế xã có 5 người (01 bác sỹ, 03 y sỹ đa khoa, 01 y sỹ định hướng sản nhi).

UBND xã chỉ đạo TYT xã xây dựng kế hoạch, phương án cụ thể về công tác KCB cho nhân dân và triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử trên địa bàn, số liệu đến ngày 11/7/2023, tỷ lệ người dân được quản lý sức khỏe (5.508/5.580) người, đạt 98,7%).

- Chỉ tiêu số 14.3, xã đã triển khai đến các người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa áp dụng cho cả nam và nữ qua phần mềm hồ sơ sức khỏe điện tử cá nhân như APP MOBIL điện thoại thông minh để cài đặt phần

mềm tiêm chủng cho trẻ < 5 tuổi, phụ nữ có thai, tiêm vắc xin phòng chống Covid-19 và cài đặt PC Covid, Sổ sức khỏe điện tử... Tỷ lệ người dân có sử dụng điện thoại thông minh có APP đạt 2.545/5.580 người đạt 45,6%.

- Chỉ tiêu số 14.4, UBND xã đã tổ chức triển khai thực hiện hồ sơ sức khỏe điện tử, đồng thời tuyên truyền và hướng dẫn người dân sử dụng khám chữa bệnh từ xã được tích hợp trong phần mềm hồ sơ sức khỏe điện tử cá nhân, kết quả toàn xã đến tháng 7/2023, tỷ lệ người dân được cập nhật thông tin về sức khỏe đạt 5.508/5.580 người, đạt 98,7%.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 14 về Y tế: Đạt.

4.15. Tiêu chí 15 về Hành chính công

a) Yêu cầu của tiêu chí:

15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính (Đạt).

15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên (Đạt).

15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp (Đạt).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 15.1 Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính (TTHC)

Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND xã Đông Tiến có diện tích 60m², trong đó 25 m² bố trí 02 dãy ghế ngồi chờ cho tổ chức, cá nhân đến giao dịch đảm bảo đúng quy định. Cơ sở vật chất, trang thiết bị gồm: 02 điều hòa; hệ thống camera theo dõi với 03 mắt quan sát, 01 bàn làm việc khép kín với 08 quầy giao dịch, 05 máy tính kết nối mạng, 05 máy in, 01 máy photocopy, 01 máy Scan, 01 tủ đựng sách tuyên truyền pháp luật; 05 tủ đựng hồ sơ cho công chức chuyên môn đựng tài liệu; 03 quạt mát, hệ thống các bảng biểu và các trang thiết bị cần thiết khác đáp ứng nhu cầu làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan; cán bộ công chức đã được cấp và sử dụng chứng thư số; UBND xã thực hiện việc số hóa, lưu trữ, luân chuyển, xử lý văn bản đi, đến trên phần mềm quản lý văn bản kịp thời; thực hiện ký số, số hóa văn bản đi, đến theo đúng quy định.

Thực hiện đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình giải quyết công việc: 21/21 cán bộ công chức sử dụng thành thạo máy tính trong giải quyết công việc, đạt 100 %; 100% máy tính của tất cả cán bộ công chức được kết nối mạng Internet; và được cấp chứng thư số để thực hiện ký số văn bản điện tử trên phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc. Hàng năm, hệ thống máy tính của UBND xã được bảo trì, cài đặt phần mềm diệt virus có bản quyền trong toàn hệ thống mạng. Hiện tại các bộ phận chuyên môn đã và đang áp dụng hệ chương trình quản lý hồ sơ công việc trên phần mềm Td-Office và giải quyết công việc trên môi trường Điện tử một cửa và dịch vụ công;

Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả do phó Chủ tịch UBND xã chỉ đạo và phụ trách, bố trí 05 công chức thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận tất cả thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của xã hoặc các thủ tục liên thông giải quyết. Cán bộ, công chức làm việc ở bộ phận Một cửa có trình độ đại học, được tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ. 100% hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã đều thực hiện trên phần mềm một cửa điện tử đi vào hoạt động ổn định phục vụ cho người dân, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện TTHC.

- Chỉ tiêu 15.2 Có dịch vụ công trực tuyến đảm bảo đạt mức độ 3, 4; tỷ lệ hồ sơ luôn đạt chỉ tiêu tỉnh giao; 100% các TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của xã được đảm bảo chỉ tiêu huyện giao.

Hiện nay xã Đông Tiến đã thực hiện việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đối với 11 thủ tục và mức độ 4 đối với 27 thủ tục. Năm 2021 hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 là 230 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%; mức độ 4 là 273 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100 %; Năm 2022 hồ sơ tiếp nhận dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 là 274/274 hồ sơ đạt 100%, Tiếp nhận hồ sơ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 là: 617/617 hồ sơ đạt 100%. Năm 2023, hết 6 tháng đầu năm 2023 hồ sơ tiếp nhận dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 là 187/187 hồ sơ đạt 100%, Tiếp nhận hồ sơ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 là: 264/264 hồ sơ đạt 100%. 100% các TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của xã được đảm bảo chỉ tiêu tỉnh giao và tiếp nhận và thực hiện 292 bản sao chứng thực bản sao điện tử từ bản chính.

- Chỉ tiêu 15.3 Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.

100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, và được niêm yết công khai bằng bảng giấy tại trụ sở cơ quan 247/247 TTHC thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết; niêm yết danh mục 11 TTHC dịch vụ công mức độ 3; 27 TTHC mức độ 4 tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả trên Trang thông tin điện tử của xã. 100% thủ tục hành chính được tiếp nhận, xử lý, trả kết quả trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC; đã thực hiện scan số hoá hồ sơ tiếp nhận và trả kết quả theo quy định. Trong 3 năm (2020-2023), 100% hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết đúng hạn, không có hồ sơ quá hạn; không có phản ánh kiến nghị về TTHC trên hệ thống phản hồi Thanh Hóa.

Việc giải quyết thủ tục hành chính theo hướng tinh gọn, đơn giản, dễ thực hiện, kết hợp với thái độ phục vụ tận tình, ý thức trách nhiệm trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức. Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp năm 2022 và đến thời điểm hiện tại đạt 18/18 điểm, xếp loại xuất sắc; tỷ lệ đánh giá sự hài lòng về giải quyết TTHC của UBND xã đạt 02/02 điểm, đạt 100% hài lòng và rất hài lòng, không để xảy ra, khiếu nại vượt cấp.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 15 Tiêu chí Hành chính công: Đạt.

4.16. Tiêu chí 16 về Tiếp cận pháp luật:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận ≥ 1 .

16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành: $\geq 90\%$

16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu: $\geq 90\%$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu.16.1. Đã có 2 mô hình phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận: Mô hình “Làng quê an toàn cho phụ nữ và trẻ em”; mô hình “Tổ hòa giải cơ sở kiểu mẫu”.

- Chỉ tiêu 16.2. Không có vụ việc nào thuộc phạm vi hòa giải.

- Chỉ tiêu 16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu: Không có người yêu cầu.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 16 Tiêu chí Tiếp Cận Pháp Luật: Đạt.

4.17. Tiêu chí 17 về Môi trường:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường (Đạt).

17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường: 100%.

17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định: $\geq 85\%$.

17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả $\geq 40\%$.

17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn $\geq 50\%$.

17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường: 100%.

17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường: $\geq 80\%$.

17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường: $\geq 85\%$.

17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch (Đạt).

17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng $\geq 5\%$.

17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn: $\geq 4m^2/\text{người}$.

17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định: $\geq 70\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 17.1 Trên địa bàn xã không có khu kinh doanh, dịch vụ, khu chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), khu nuôi trồng thủy sản; có 200/200 hộ gia đình là các cơ sở kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản nhỏ lẻ trong khu dân cư đã ký cam kết bảo vệ môi trường. Các cơ sở sản xuất kinh doanh đều được đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật đáp ứng tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường; 100% hộ chăn nuôi có hệ thống xử lý chất thải, hệ thống bể bioga, đệm lót sinh học đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Chỉ tiêu 17.2 Toàn xã có 200 cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường (Không có làng nghề) đạt 100%. Trong đó có 02 cơ sở sản xuất thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường đã lập hồ sơ môi trường theo quy định và 198 cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản không thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường, đã ký cam kết bảo vệ môi trường theo quy định.

- Chỉ tiêu 17.3: Xã Đông Tiến có 1.647/1.647 hộ gia đình, đạt 100% số hộ đã ký hợp đồng thu gom chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại với hợp tác xã dịch vụ môi trường Tân Sơn và được HTXDV Môi trường Tân Sơn thu gom theo định kỳ với tần suất thu gom 02 ngày/lần; 15 lần/tháng với khối lượng rác khoảng 5,5 tấn/lần; 82,5 tấn/tháng.

- Chỉ tiêu 17.4. Tất cả các hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp. Có hệ thống xử lý đầu nối hệ thống xử lý nước thải tập trung của xã. Có 951/1.647 hộ gia đình có hệ thống xử lý, đạt 57,7%.

- Chỉ tiêu 17.5. Toàn xã có 100% số hộ đã thực hiện biện pháp thu gom xử lý rác thải. Trong đó có 887/1.647 hộ đạt 53,85 % số hộ gia đình trên địa bàn xã đã thực hiện phân loại rác thải tại nguồn trước khi hợp tác xã dịch vụ vệ sinh môi trường Tân Sơn thu gom để vận chuyển đến bãi tập trung rác thải để xử lý.

- Chỉ tiêu 17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Xã có 1 trạm y tế, lượng CTR y tế phát sinh khoảng 1kg/ngày, trong đó lượng chất thải rắn y tế thông thường có khoảng 0,5kg/ngày; chất thải y tế nguy hại có khoảng 0,5 kg/ngày. CTR y tế cơ bản đã được phân loại tại nguồn theo quy định của Bộ Y tế; chất thải y tế không nguy hại có thể tái chế, được thu gom và bán cho các cơ sở tái chế, chất thải y tế nguy hại được hợp đồng với các bệnh viện để xử lý theo cụm. Trình trạng CTNH phát sinh từ chất thải sinh hoạt của hộ gia đình (bóng đèn huỳnh quang thải, các thiết bị thải bỏ có thành phần CFC, pin, ắc quy thải, dầu mỡ thải, các loại linh kiện điện tử thải... được ước tính bằng 0,1% chất thải rắn sinh hoạt phát sinh). Trong 6 tháng đầu năm CTNH từ hộ gia đình

phát sinh khoảng 3,75 tấn, tuy nhiên việc thu gom, phân loại CTNH từ các hộ gia đình hầu như được thực hiện, đang để lẫn với chất thải sinh hoạt thông thường và được xử lý cùng chất thải rắn sinh hoạt thông thường; UBND huyện thực hiện ký hợp đồng với Công Ty Nghi Sơn, thu gom 6 tháng/1 lần, năm 2 lần thu gom.

Toàn xã có 41 bể chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật, có nắp đậy đảm bảo vệ sinh môi trường (*thôn Triệu Xá 1: 02 bể; thôn Triệu Xá 2: 05 bể; thôn Triệu Tiên: 12 bể; thôn Nhuận Thạch: 10 bể; thôn Hiệp Khởi: 07 bể; thôn Kim Sơn: 5 bể*). Tại mỗi xứ đồng của từng thôn có đặt các bể chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật, hàng tháng tổ thu gom rác thu gom để vận chuyển về bãi rác tập trung của tỉnh. UBND huyện Đông Sơn đã ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển chất thải rắn nguy hại với HTX dịch vụ môi trường Tân Sơn. Chịu trách nhiệm thu gom vận chuyển toàn bộ khối lượng chất thải rắn nguy hại trên địa bàn xã Đông Tiến.

- Chỉ tiêu 17.7. *Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường $\geq 80\%$.*

Tỷ lệ khối lượng chất thải được thu gom, xử lý, tái sử dụng/khối lượng chất thải phát sinh đạt 87,46%:

$$T_{\text{thải}} = \frac{\text{Khối lượng chất thải thu gom}}{\text{Khối lượng chất thải phát sinh}} = \frac{5.873}{6.715} = 87,46\%$$

Tỷ lệ hộ gia đình, trang trại áp dụng các biện pháp tái sử dụng và tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp/tổng số hộ gia đình, trang trại đạt 85,18%:

$$T_{\text{hộ}} = \frac{\text{Số hộ áp dụng biện pháp}}{\text{Tổng số hộ}} = \frac{1.403}{1.647} = 85,18\%$$

- Chỉ tiêu.17.8. *Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường đạt 87,3%.*

Tổng số cơ sở chăn nuôi gồm 71 cơ sở chăn nuôi nhỏ lẻ. Tổng đàn chăn nuôi toàn xã gồm: Đàn lợn 271 con; Số hộ: 14 hộ; Đàn trâu, bò: 76 con; Số hộ: 45 hộ; Đàn gia cầm 9.710 con; Số hộ: 15 hộ, đều đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường. Các hộ chăn nuôi đều thực hiện biện pháp xử lý trong chăn nuôi và được cập nhật phần mềm trên hệ thống. Chuồng nuôi được tách biệt với nơi ở của người, vệ sinh, khử trùng, tiêu độc chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi định kỳ. Chất thải trong được xử lý: phần phân khô được ủ làm phân bón và phần nước tiểu, nước rửa chuồng được cho xuống hố bioga đảm bảo vệ sinh môi trường. Các hộ chăn nuôi thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định tại Điều 54 của Luật Chăn nuôi. Qua kiểm tra, theo dõi hộ chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường: 62/71 hộ đạt 87,3% đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường.

- Chỉ tiêu 17.9: UBND xã Đông có 02 khu nghĩa địa tập trung gồm: Nghĩa địa Đồng Quai (Thôn Nhuận Thạch); Thuộc thửa đất số 672+415+15 tờ bản đồ số 07, diện tích hiện trạng là 12.909.4 m²; Nghĩa địa Mã Thành (Thôn Triệu Tiên); Thuộc thửa đất số 921 tờ bản đồ số 11, diện tích hiện trạng là 22.692.7 m². Xã đã

thực hiện quy hoạch 01 khu nghĩa địa tập trung với tổng diện tích 14,7ha tại khu Đồng Ngâm thôn Nhuận Thạch cách xa khu dân cư, phân chia khu hunh táng, cát táng riêng biệt; có đường vào sạch sẽ, xung quanh có tường rào ngăn cách và trồng cây xanh thuận tiện cho việc thăm viếng của người dân. Nghĩa trang được quản lý và sử dụng hợp lý, việc mai táng của nhân dân được thực hiện đúng theo quy chế, đảm bảo công tác vệ sinh môi trường trong và ngoài khu nghĩa trang, đảm bảo quy định của Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng, đảm bảo công tác vệ sinh môi trường trong và ngoài khu nghĩa trang; đảm bảo vệ sinh trong hoạt động mai táng và hỏa táng được Bộ Y tế quy định tại Thông tư số 21/2021/TT-BYT ngày 2/6/2021.

- Chỉ tiêu 17.10: Theo số liệu thống kê việc mai táng trong vòng 3 năm gần nhất: từ tháng 12/2021 (Năm đạt chuẩn NTM nâng cao) đến tháng 12/2022: Tổng số người từ trần là 47 người. Trong đó: Hỏa táng 41 trường hợp; Hung táng 6 trường hợp. Các trường hợp hỏa táng và hung táng được chôn cất tại các nghĩa địa đã được quy hoạch, phù hợp với quy hoạch chung của xã cũng như đảm bảo theo quy định về mai táng. Diện tích các mộ trung bình là hung táng là 1,5 m², hung táng 3,5 trở lên. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng là 41/47 trường hợp, chiếm tỷ lệ 87,2%; tỷ lệ trường hợp hung táng là 6/47 trường hợp, chiếm tỷ lệ 12,8%. **Năm 2023 (tính đến thời hết tháng 8) có 28 người từ trần, trong đó 25 trường hợp hỏa táng; hung táng 03 trường hợp, chiếm tỷ lệ 89,28%.**

Chỉ tiêu 17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn $\geq 4\text{m}^2/\text{người}$.

Tổng diện tích đất trồng cây xanh sử dụng các công cộng tại các điểm khu dân cư nông thôn trên địa bàn xã Đông Tiến tính đến hiện tại là 23.077 m². Tỷ lệ đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn trên địa bàn xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn 23.077m²/5.580 người, đạt 4,13 m²/người, đảm bảo theo chỉ tiêu theo vùng thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022 – 2025 được ban hành kèm theo Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của UBND tỉnh.

Qua rà soát, thống kê trên địa bàn xã, diện tích cây xanh chủ yếu tập trung tại các trục đường chính liên xã, liên thôn, trung tâm văn hóa thể thao của xã, các khuôn viên nhà văn hóa thôn, trạm y tế; khuôn viên của 3 nhà trường... dùng để cho nhân dân, học sinh hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; các dãy cây ven đường trục đường QL45, các trục đường chính liên xã, liên thôn dùng để tạo bóng mát, điều hòa không khí, tạo cho môi trường trong sạch.

Đánh giá chung, khả năng tiếp cận cây xanh của người dân trên địa bàn xã đã đảm bảo nhu cầu. Đa số người dân đã lựa chọn nhà văn hóa và dải cây ven đường để tiếp cận, đi bộ, thể thao; thời gian nhân dân dành cho hoạt động tại các điểm nhà văn hóa, khu vui chơi, đi bộ tập luyện thể dục thể thao đã được quan tâm và dành nhiều hơn, làm tăng khả năng tiếp cận với cây xanh, thông qua đó cải thiện sức khỏe và chất lượng cuộc sống.

- Chỉ tiêu 17.12: Khối lượng chất thải nhựa phát sinh (kg/năm) của các hộ gia đình là 6.738 kg, Khối lượng chất thải nhựa phát được thu gom tái chế sử dụng: 5.121 kg, tỷ lệ đã được thu gom $5.121/6.738$ đạt tỷ lệ 76%.

c. Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 17 Môi trường: Đạt

4.18. Tiêu chí 18 về Chất lượng môi trường sống

a) Yêu cầu của tiêu chí:

18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung: $\geq 55\%$

18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm ≥ 60 lít.

18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững: $\geq 30\%$

18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm: 100%.

18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã (Không).

18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm: 100%.

18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch $\geq 95\%$.

18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường: 100%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 18.1 Hiện trạng sử dụng nước trên địa bàn xã: Cuối năm 2021, xã Đông Tiến đã đầu tư hệ thống đường ống cấp nước sạch và ký kết thỏa thuận với Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa – chi nhánh Đông Sơn, cấp nước cho 6 thôn trên địa bàn xã. Năm 2023, xã đã thực hiện điều tra, đánh giá tất cả các hộ dân sử dụng nguồn nước sạch đạt quy chuẩn và sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung trên địa bàn xã.

Chất lượng nước của công ty: Các thông số chất lượng nước đáp ứng ngưỡng giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá ban hành theo QĐ số 16/2021/QĐ-UBND ngày 20/8/2021.

Số hộ dân đầu nối sử dụng nước sạch từ nhà máy là 1.647 /1.647 hộ, đạt 100%; tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước HVS toàn xã đạt 1.647 /1.647 hộ, đạt 100%; Tỷ lệ hộ nghèo sử dụng nước sạch: 7/7 hộ, đạt 100%; Tỷ lệ hộ nghèo sử dụng nước HVS: 7/7 hộ, đạt 100%.

- Chỉ tiêu 18.2: Cấp nước sinh hoạt bình quân đầu người/ngày đêm (lít/người/ngày đêm). Tổng số hộ đã lắp 1.647 hộ (5.580 người); cấp nước sinh

hoạt bình quân đầu người/ngày đêm (lít/người/ngày đêm) đạt 67,07 lít, được tính như sau:

$$\frac{486,1 * 1000}{1.647 * 4,4} = 67,07 \text{ lít/người/ngày đêm}$$

Trong đó: Sản lượng trung bình ngày 486,1 m³; số hộ dân toàn xã sử dụng nước 1.647 hộ.

- Chỉ tiêu 18.3 Công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững, được thực hiện cấp nước thường xuyên, tỷ lệ công suất khai thác thực tế so với công suất thiết kế luôn đảm bảo năm sau cao hơn năm trước, có các cán bộ quản lý, vận hành đảm bảo chuyên môn, năng lực quản lý phù hợp quy mô, yêu cầu kỹ thuật của công trình, đảm bảo hoạt động bền vững.

- Chỉ tiêu 18.4: Toàn xã đã thực hiện rà soát, thống kê, kết quả có 83 cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm trên địa bàn, trong đó: ngành Nông nghiệp 53 cơ sở, ngành Y tế 09 cơ sở, ngành Công thương 21 cơ sở. Hàng năm UBND xã, phối hợp với Văn phòng Điều phối về Vệ sinh ATTP huyện xây dựng kế hoạch, tổ chức tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm cho 83/83 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống, đạt 100%.

- Chỉ tiêu 18.5 Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã. Công tác triển khai các nhiệm vụ phòng chống ngộ độc thực phẩm trên địa bàn xã được triển khai thường xuyên, có hiệu quả, từ năm 2020 đến nay trên địa bàn xã không xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm.

- Chỉ tiêu 18.6 Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm. Qua rà soát, thống kê, trên địa bàn xã có 02 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông nghiệp đã được chi Cục chất lượng Nông Lâm Thủy Sản thẩm định điều kiện và cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo quy định tại Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Chỉ tiêu 18.7: Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch.

Trong 3 năm (từ năm 2021 đến năm 2023) Đảng ủy, HĐND xã đã ra nghị quyết về công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân trong địa phương đặc biệt chú trọng công tác phòng bệnh, chất lượng môi trường sống trong xây dựng NTM nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; UBND xã đã lập kế hoạch với mục tiêu 100 % số hộ y tế được sử dụng nước sạch, nhà tiêu, nhà tắm hợp vệ sinh và tiến hành tổ chức thực hiện xây dựng 3 công trình vệ sinh, kết quả: Năm 2021: Nhà tiêu HVS đạt 1.244/1.293 hộ đạt 96,21%; nhà tắm đạt 95,66%; nguồn nước HVS đạt 95,5%; Năm 2022: Nhà tiêu HVS đạt 1.232/1.293 hộ = 95,28%; nhà tắm đạt 95,9%; nguồn nước HVS đạt 96,9%; Năm 2023: Nhà tiêu HVS đạt 1.237/1.293 hộ đạt 95,7 %; nhà tắm đạt 96,6%; nguồn nước HVS đạt 99,2%.

- Chỉ tiêu 18.8. Trên địa bàn xã Đông Tiến không có bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt. Xã thực hiện ký hợp đồng thu gom rác thải với HTX dịch vụ Môi trường Tân Sơn thu gom, vận chuyển về nơi chôn lấp, xử lý tập trung tại xã Đông Nam, đạt tỷ lệ 100%.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 18 Tiêu chí Môi trường sống: Đạt

4.19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An Thịnh

a) Yêu cầu của tiêu chí:

19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân (Đạt).

19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an Thịnh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an Thịnh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả (Đạt).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 19.1 Hàng năm ban chỉ huy quân sự xã luôn được kiện toàn đủ 4 chức danh gồm (Chỉ huy trưởng là thành viên UBND xã, Đảng ủy viên, công chức cấp xã; Phó chỉ huy trưởng; chính trị viên và chính trị viên phó là bí thư Đảng ủy và bí thư Đoàn thanh niên chức danh kiêm nhiệm theo Luật dân quân quy định).

Xây dựng biên chế Cán bộ Dân quân: xây dựng đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng đối với đội ngũ cán bộ quản lý, chỉ huy đơn vị DQTV. Trung đội trưởng ĐKZ 82mm: 01 đ/c Khẩu đội trưởng ĐKZ 82mm 03đ/c; Trung đội trưởng DQCĐ, 01 đ/c tiểu đội trưởng DQCĐ: 03 đ/c. Thôn đội trưởng kiêm Tổ trưởng tổ dân quân tại chỗ: 06 đ/c. Chỉ huy trưởng, Ban CHQS xã qua đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp ngành quân sự cơ sở. Số cán bộ sau đào tạo được bố trí sử dụng đúng chuyên môn, nghiệp vụ.

Tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân xã đạt 40%; tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân cơ động đạt 46,6%; 100% cán bộ, chiến sỹ lực lượng dân quân có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt; Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự trình độ Trung cấp ngành quân sự cơ sở; cán bộ, chiến sỹ Dân quân luôn sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. UBND xã đảm bảo chính sách và cơ sở vật chất đúng theo Luật quy định, chi trả kịp thời khi thực hiện các nhiệm vụ theo Luật Dân quân tự vệ. Được bố trí phòng làm việc riêng, có phòng trực, tủ súng, camera an ninh tủ súng và được cấp công cụ hỗ trợ cho hoạt động giữ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phòng thủ dân sự, phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai.

Ban Chỉ huy quân sự xã xây dựng Kế hoạch trực sẵn sàng chiến đấu; kế hoạch phối hợp với Mặt trận tổ quốc, các ban, ngành đoàn thể; kế hoạch phối hợp hoạt động giữa LLDQ với LLCA trong công tác giữ gìn an ninh trật tự và trật tự xã hội... luôn điều chỉnh, bổ sung hàng năm. Hệ thống văn bản đầy đủ theo quy định; hệ thống văn

bản đầy đủ theo đúng quy định, các loại kế hoạch dài hạn được điều chỉnh và trình cấp trên phê duyệt thường xuyên.

Công tác rà soát, đăng ký nam công dân trong độ tuổi quy định đầy đủ, tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ trong độ tuổi đúng quy định, đảm bảo quy trình và pháp luật. Hàng năm giao quân đều đạt chỉ tiêu huyện giao; tham mưu phối hợp với Mặt trận tổ quốc, các ban ngành đoàn thể, từ xã đến thôn tổ chức tốt tuyên truyền đến nội công dân thực hiện Luật NVQS. Công tác bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng – An ninh cho các đối tượng theo quy định đã được xã lập Kế hoạch và được hội đồng GDQP-AN phê duyệt; đối tượng 3, 4 được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức QP-AN theo kế hoạch đề ra, đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

- Chỉ tiêu 19.2, tình hình an ninh nông thôn luôn được giữ vững, không có khiếu kiện đông người, vượt cấp trái pháp luật.

Tình hình an ninh nông thôn trên địa bàn xã Đông Tiến luôn được giữ vững, ổn định; không có khiếu kiện đông người, vượt cấp trái pháp luật. Tội phạm và tệ nạn xã hội được kiểm chế, năm sau giảm so với năm trước. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Từ năm 2020 đến nay, xã không có công dân cư trú trên địa bàn xã gây tai nạn giao thông, cháy, nổ nghiêm trọng trở lên theo quy định pháp luật; không có các tụ điểm phức tạp về hình sự, kinh tế, ma túy, môi trường.

Tỷ lệ khu dân cư cư trú được công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn ANTT” từ 90% trở lên (năm 2020, 2021, 2022 tất cả 7/7 thôn đạt tiêu chuẩn “An toàn ANTT”, xã trong 3 năm liên tục (từ năm 2020 đến năm 2022) luôn được Chủ tịch UBND huyện công nhận xã tiêu chuẩn “An toàn ANTT”, theo thông tư 23/2012/TT-BCA ngày 27/4/2012 của Bộ Công an nay là Thông tư số 124/TT-BCA, ngày 18/12/2021. Hiện nay xã có 03 mô hình tự quản về ANTT hoạt động thường xuyên, hiệu quả: (1) Mô hình “Camera với ANTT” ra mắt hoạt động tháng 5/2022 với 29 mắt trên 2.000 hộ dân tham gia; (2) mô hình “tổ 3 trên 1”; đã cảm hóa, giao dục, giúp đỡ được 05 đối tượng gồm: án treo, người cải tạo không giam giữ và án tù tha về; (3) Mô hình các tổ ANTT-ANXH thường xuyên được kiện toàn, với 16 tổ ANTT và 18 thành viên; 64 tổ ANXH và 512 thành viên hoạt động thường xuyên, hiệu quả; trong 6 tháng đầu năm 2023 đã ra mắt 02 mô hình liên gia PCCC và 03 điểm chữa cháy công cộng hoạt động có hiệu quả trong công tác PCCC tại khu dân cư ;

Xã Đông Tiến không thuộc xã trọng điểm, phức tạp về ANTT. Năm 2020, 2021 đạt loại tốt trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc theo Hướng dẫn số 331/HD-CAT-PV05 ngày 29/9/2020. Năm 2022 đạt danh hiệu xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc theo Quyết định 510/QĐ-BCA-V05 ngày 20/01/2022. Năm 2021, cán bộ và nhân dân xã được nhận Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công an về thành tích trong công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc theo Quyết định số 367/QĐ-BCA ngày 14/01/2022.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 19 Tiêu chí Quốc Phòng – An Ninh: Đạt.

5. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao. Xã Đông Tiến không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng NTM nâng cao.

6. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

Tập trung duy trì, chỉ đạo thực hiện, đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, phấn đấu hoàn thành xã NTM kiểu mẫu vào cuối năm 2023.

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ: Nội dung, thành phần hồ sơ đã được xã Đông Tiến thực hiện đảm bảo đầy đủ đúng theo quy định tại Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 về việc ban hành Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022-2025 và Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg, ngày 02/8/2022 về Ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao, đạt chuẩn NTM kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025.

2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao: Tổng số tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao của xã Đông Tiến đã được UBND huyện Đông Sơn thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tính đến thời điểm thẩm tra là: 19/19 tiêu chí, đạt 100%.

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao: Xã Đông Tiến không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng NTM nâng cao.

III. KIẾN NGHỊ

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao năm 2023 của xã Đông Tiến, UBND huyện Đông Sơn kính đề nghị Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; Hội đồng thẩm định xã đạt chuẩn NTM nâng cao tỉnh Thanh Hóa tổ chức thẩm định và trình Chủ tịch UBND tỉnh xét, công nhận xã Đông Tiến đạt chuẩn NTM nâng cao năm 2023./.

Nơi nhận:

- Hội đồng TĐ NTM tỉnh (Báo cáo);
- VPĐP NTM tỉnh Thanh Hóa (Báo cáo);
- BCD các chương trình AMTQGG huyện (để chỉ đạo);
- Các thành viên BCD huyện;
- UB MTQT huyện, Hội Nông dân, Phụ Nữ, CCB, Huyện đoàn; Liên đoàn LĐ huyện;
- BCD NTM xã Đông Tiến.
- Lưu, VT; VTĐP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thế Sơn

BIỂU TỔNG HỢP
KẾT QUẢ THẨM TRA MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO
ĐẾN NĂM 2023 ĐỐI VỚI XÃ ĐÔNG TIẾN HUYỆN ĐÔNG SƠN

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /8 / 2023 của UBND Huyện Đông Sơn)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch	Đạt	Huyện đang thực hiện sáp nhập vào Thành phố Thanh hóa Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số 259/QĐ-TTG ngày 17/3/2023. Xã Đông Tiến đã thực hiện rà soát các nội dung Quy hoạch nông thôn (QHC) đảm bảo phù hợp với Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đông Sơn đến năm 2040, được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 11/02/2019. (Đạt)	Huyện đang thực hiện sáp nhập vào Thành phố Thanh hóa Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số 259/QĐ-TTG ngày 17/3/2023. Xã đã thực hiện rà soát các nội dung Quy hoạch nông thôn (QHC) đảm bảo phù hợp với Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đông Sơn đến năm 2040, được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 11/02/2019. (Đạt)
		1.2. Có Quy định quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn; tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch	Đạt	Tổ chức thực hiện theo quy hoạch, cắm biển báo, mốc giới xây dựng cho các vị trí quy hoạch xây dựng trên địa bàn xã. Sau đó bàn giao cho công chức địa chính và trưởng thôn tại nơi có vị trí quy hoạch để theo dõi, quản lý biển báo, mốc giới đã cắm. Hàng tháng UBND xã thực hiện kiểm tra lại các biển báo, mốc giới đã cắm, qua đó để phát hiện các biển báo, mốc giới đã bị phá, bị dịch chuyển, bị xuống cấp để thực hiện việc khôi phục, tổ chức cắm thêm biển báo, mốc giới nhằm phân định các khu chức năng đã được quy hoạch (Đạt)	Tổ chức thực hiện theo quy hoạch, cắm biển báo, mốc giới xây dựng cho các vị trí quy hoạch xây dựng trên địa bàn xã. Sau đó bàn giao cho công chức địa chính và trưởng thôn tại nơi có vị trí quy hoạch để theo dõi, quản lý biển báo, mốc giới đã cắm. Hàng tháng UBND xã thực hiện kiểm tra lại các biển báo, mốc giới đã cắm, qua đó để phát hiện các biển báo, mốc giới đã bị phá, bị dịch chuyển, bị xuống cấp để thực hiện việc khôi phục, tổ chức cắm thêm biển báo, mốc giới nhằm phân định các khu chức năng đã được quy hoạch. (Đạt)
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa	Đạt	Xã có quy hoạch chi tiết xây dựng các điểm dân cư mới. các điểm dân cư nông thôn phù hợp với định hướng đô thị hóa và theo quy hoạch cấp trên. (Đạt)	Xã có quy hoạch chi tiết và đầu tư xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương; 100% mặt bằng được thực hiện đúng theo quy định về quy hoạch khu dân cư phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên. (Đạt)

		theo quy hoạch cấp trên			
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định.	100% được bảo trì hàng năm, được bê tông hoá hoặc nhựa hoá, có chiều rộng mặt đường $\geq 4,5\text{m}$, chiều rộng nền đường $\geq 6,5\text{m}$ (trong đó: $\geq 60\%$ đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết theo quy định).	Có 2,5km/2,5km đạt 100% % mặt đường được nhựa hoá, chiều rộng $B_m \geq 4,5\text{m}$, chiều rộng nền đường $B_n \geq 6,5\text{m}$ 1,55/2,5km, đạt tỷ lệ 62 % có các hạng mục theo quy định (rãnh thoát nước, điện chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) (Đạt)	Đường xã có 1 tuyến, đảm bảo 2,5km/2,5km đạt 100% % mặt đường được nhựa hoá, chiều rộng $B_m \geq 4,5\text{m}$, chiều rộng nền đường $B_n \geq 6,5\text{m}$; 1,55/2,5km, đạt tỷ lệ 62 % có các hạng mục theo quy định (rãnh thoát nước, điện chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) (Đạt)
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản và đường liên thôn, bản được cứng hóa và bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định.	100% được cứng hóa và bảo trì hàng năm (trong đó: $\geq 80\%$ bê tông hóa hoặc nhựa hóa đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0\text{m}$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0\text{m}$ và $\geq 50\%$ đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết theo quy định	Có 12,5/12,5 km được bảo trì hàng năm và được bê tông hoá hoặc nhựa hoá, đạt tỷ lệ 100%; 100% đường thôn sáng – xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) (Đạt)	Các tuyến đường thôn được cứng hóa, nhựa hoá 12,5/12,5 km và được bảo trì hàng năm, đạt tỷ lệ 100%; 100% bê tông hóa hoặc nhựa hóa đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0\text{m}$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0\text{m}$ và có biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) (Đạt)
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	$\geq 90\%$ (trong đó: $\geq 80\%$ bê tông hóa hoặc nhựa hóa đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0\text{m}$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0\text{m}$)	(Đạt) Các dài 8,2 km đạt 100% đường ngõ, xóm được bê tông hoá, nhựa hoá và đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0\text{m}$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0\text{m}$)	Các tuyến dài 8,2km, đạt 100% đường ngõ, xóm được bê tông hoá, nhựa hoá và đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0\text{m}$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0\text{m}$) (Đạt)
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa	100% (trong đó: $\geq 70\%$ bê tông hóa đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0\text{m}$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0\text{m}$)	Các tuyến đường trục chính nội đồng dài 9,8km, đã cứng hóa 16/16 tuyến đạt 100 % (9,25/9,25 km), đạt 100 % chiều rộng mặt đường $\geq 3,0\text{m}$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0\text{m}$ (Đạt)	Các tuyến đường trục chính nội đồng dài 9,8km, đã cứng hóa 16/16 tuyến đạt 100 % (9,25/9,25 km), đạt 100 % chiều rộng mặt đường $\geq 3,0\text{m}$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0\text{m}$ (Đạt)
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	$\geq 90\%$	- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động 646,68/646,68 ha, đạt tỷ lệ 100%; - Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp được tiêu chủ động 495,66/495,66 ha, đạt tỷ lệ 100% (Đạt)	- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động 646,68/646,68 ha, đạt tỷ lệ 100%; - Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp được tiêu chủ động 495,66/495,66 ha, đạt tỷ lệ 100% (Đạt)

		3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững	Đạt	01 HTX nông nghiệp có hoạt động tưới tiêu hiệu quả, bền vững (Đạt)	01 HTX nông nghiệp có hoạt động tưới tiêu hiệu quả, bền vững (Đạt)
		3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	$\geq 20\%$	Cây trồng chủ lực trên địa bàn xã Đông Tiến là cây lúa, áp dụng các biện pháp canh tác tiên tiến SRI, 3 giảm 3 tăng, Nông - Lộ - Phơi đạt tỷ lệ 100%.	Cây trồng chủ lực trên địa bàn xã Đông Tiến là cây lúa, áp dụng các biện pháp canh tác tiên tiến SRI, 3 giảm 3 tăng, Nông - Lộ - Phơi 599,72ha, đạt tỷ lệ 100%. (Đạt)
		3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	Đạt	Có 28/28 công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng với chiều dài 20,646 km được bảo trì hàng năm (Đạt)	Có 28/28 công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng với chiều dài 20,646km được bảo trì hàng năm (Đạt)
		3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi	Đạt	Có 6/6 thôn, dân cư phân bố tập trung thành một vùng. Nước thải sinh hoạt và sản xuất được xử lý và thải ra hệ thống theo mương gom về kênh tiêu trực chính của xã đảm bảo quy định (Đạt)	Có 6/6 thôn, dân cư phân bố tập trung thành một vùng. Nước thải sinh hoạt và sản xuất được xử lý và thải ra hệ thống theo mương gom về kênh tiêu trực chính của xã đảm bảo quy định (Đạt)
		3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Khá	Đảm bảo yêu cầu về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ (Đạt)	Đảm bảo yêu cầu về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ (Đạt)
4	Điện	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	$>99\%$	- Tổng số hộ: 1.647 hộ - Số hộ đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định: 1.647 hộ, đạt 100%	Số hộ đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định: 1.647/1.647 hộ, đạt tỷ lệ 100%. (Đạt)
5	Giáo dục	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2	100%	Tổng số trường đạt tiêu chuẩn về cơ sở vật chất mức độ 2: 01 Trường: trường Mầm non; Số trường đạt chuẩn mức độ 1: 02 trường: Tiểu học và THCS: Đạt tỷ lệ 100%	Tổng số trường đạt tiêu chuẩn về cơ sở vật chất mức độ 2: 01 Trường: trường Mầm non; Số trường đạt chuẩn mức độ 1: 02 trường: Tiểu học và THCS: Đạt tỷ lệ 100%
		5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt	Đạt chuẩn PCGDMN trẻ em 5 tuổi tại: QĐ số 8991/QĐ-UBND, ngày 10/11/2021; QĐ số 3940/QĐ-UBND, ngày 31/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện công nhận đạt chuẩn PCGD-XMC năm 2022.	Đạt chuẩn PCGDMN trẻ em 5 tuổi tại: QĐ số 8991/QĐ-UBND, ngày 10/11/2021; QĐ số 3940/QĐ-UBND, ngày 31/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện công nhận đạt chuẩn PCGD-XMC năm 2022. (Đạt)

		5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS	Mức độ 3	Năm 2021: Đã đạt chuẩn PCGDTH và PCTHCS mức độ 3 theo Quyết định số 8991/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện về việc công nhận kết quả đạt chuẩn PCGD-XMC năm 2021 Năm 2022: Đã đạt chuẩn PCGDTH và PCTHCS mức độ 3 Quyết định số 3940/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện về việc công nhận kết quả đạt chuẩn PCGD-XMC năm 2022 (Đạt)	Năm 2021: Đã đạt chuẩn PCGDTH và PCTHCS mức độ 3 theo Quyết định số 8991/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện về việc công nhận kết quả đạt chuẩn PCGD-XMC năm 2021 Năm 2022: Đã đạt chuẩn PCGDTH và PCTHCS mức độ 3 Quyết định số 3940/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện về việc công nhận kết quả đạt chuẩn PCGD-XMC năm 2022 (Đạt)
		5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ	Mức độ 2	Đạt chuẩn xóa mù chữ Mức độ 2 theo Quyết định số 3940/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn (Đạt)	Đạt chuẩn xóa mù chữ Mức độ 2 theo Quyết định số 3940/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn (Đạt)
		5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại	Khá	TTHTCĐ của xã nhiều năm liên tục đạt loại Tốt, được huyện đánh giá tốt Theo các Quyết định số 3370/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 và Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn (Đạt)	TTHTCĐ của xã nhiều năm liên tục đạt loại Tốt, được huyện đánh giá tốt Theo các Quyết định số 3370/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 và Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn (Đạt)
		5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền	Đạt	- Chủ tịch UBND xã ban hành Kế hoạch số 125/KH-UBND ngày 10/8/2022 về việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục thể chất và hoạt động thể thao năm 2022. - Kế hoạch số 52/KH-THCS ngày 28/9/2022 của Trường THCS Đông Tiến về Giáo dục thể chất, hoạt động thể thao năm học 2022-2023, - Trường tiểu học Đông Tiến có Kế hoạch số 51/KH-TH ngày 15/9/2022, về kế hoạch giáo dục thể chất năm học 2022-2023; - Trường MN Đông Tiến có Kế hoạch số 35/KH-MN ngày 15/9/2022 của Trường Mầm non Đông Tiến về giáo dục thể chất năm học 2022-2023 (Đạt)	- Kế hoạch số 125/KH-UBND ngày 10/8/2022 của UBND xã về việc phê duyệt kế hoạch giáo dục thể chất và hoạt động thể thao năm 2022; - Kế hoạch số 52/KH-THCS ngày 28/9/2022 của Trường THCS Đông Tiến về Giáo dục thể chất, HĐTT năm học 2022-2023, - Trường tiểu học Đông Tiến có Kế hoạch số 51/KH-TH ngày 15/9/2022, về kế hoạch giáo dục thể chất năm học 2022-2023; - Trường MN Đông Tiến có Kế hoạch số 35/KH-MN ngày 15/9/2022 của Trường Mầm non Đông Tiến về giáo dục thể chất năm học 2022-2023 (Đạt)
6	Văn hóa	6.1. Có lắp đặt các dụng cụ	Có 70% các điểm công	Tổng số điểm công cộng: 06 /6 điểm, đạt 100%;	Tổng số điểm công cộng: 6/6 điểm, đạt 100%;

		thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên	cộng trên địa bàn xã được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời. - Có các mô hình hoạt động của các câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thôn và tổ chức đa dạng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao đảm bảo thu hút tối thiểu 40% người dân tham gia thường xuyên. - Triển khai thực hiện các hoạt động thư viện.	- Số điểm công cộng có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời: 06 Điểm; - Một số loại hình hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao: toàn xã có 9 CLB trong đó có 6 CLB VHVH-TDĐT; 03 văn nghệ, số người thường xuyên tham gia luyện tập TDĐT chiếm 55% dân số. - Hoạt động thư viện, xã có phòng đọc trên 500 đầu sách báo; 04 máy tính kết nối Internet phục vụ người dân tra cứu, học tập. (Đạt)	- Số điểm công cộng có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời: 06 Điểm; - Một số loại hình hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao: toàn xã có 9 CLB trong đó có 6 CLB VHVH-TDĐT; 03 văn nghệ. Số người thường xuyên tham gia luyện tập TDĐT là chiếm 55% dân số - Hoạt động thư viện đã được xã triển khai thực hiện và hoạt động thường xuyên; hiện nay xã có 01 phòng đọc trên 500 đầu sách báo; 04 máy tính kết nối Internet phục vụ người dân tra cứu, học tập (Đạt)
		6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định	Đạt	Tổng số di sản văn hoá: 01 di tích lịch sử cấp Quốc gia;	Xã có 01 di tích lịch sử cấp Quốc Gia: Đền thờ và lăng mộ Tướng quân Thiệu Thốn. (Đạt)
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới	≥75% đạt tiêu chuẩn văn hóa trong 3 năm liên tục (≥78% trong năm xét, công nhận hoặc năm liên kế). ≥50% đạt chuẩn nông thôn mới.	- Tổng số thôn: 6 thôn - Số thôn đạt tiêu chuẩn văn hoá: 6 thôn, đạt 100%. - Số thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới: 06/6thôn. - Có 1.498/1647 gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa 3 năm liên tục đạt 91% và có 235 hộ được tặng giấy khen gia đình văn hóa 3 năm liên tục đạt tỷ lệ 15%. (Đạt)	- Tổng số thôn: 6 thôn - Số thôn đạt tiêu chuẩn văn hoá: 6 thôn, đạt 100%. - Số thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới: 06/6thôn. - Có 1.498/1647 gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa 3 năm liên tục đạt 91% và có 235 hộ được tặng giấy khen gia đình văn hóa 3 năm liên tục đạt tỷ lệ 15%. (Đạt)
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	Đạt (Nếu xã không có chợ đang hoạt động thì có cửa hàng, siêu thị, cửa hàng tiện lợi đạt an toàn thực phẩm theo quy định)	- Tổng số chợ theo quy hoạch: Không Cửa hàng tiện lợi: 01 cửa hàng, được xây dựng kiên cố có diện tích 100m ² , vững chắc, đảm bảo các yêu cầu phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh an toàn môi trường; danh mục hàng hóa có trên 200 tên hàng; có đầy đủ trang thiết bị cần thiết (Tủ đông, tủ mát, kệ, giá...) để bảo quản hàng hóa, đáp ứng nhu cầu mua sắm của nhân dân (Đạt)	- Tổng số chợ theo quy hoạch: Không; Cửa hàng tiện lợi: 01 cửa hàng, được xây dựng kiên cố có diện tích 100m ² , vững chắc, đảm bảo các yêu cầu phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh ATTP, thuận tiện cho khách hàng; danh mục hàng hóa có trên 200 tên hàng; có đầy đủ trang thiết bị cần thiết (Tủ đông, tủ mát, kệ, giá...) để bảo quản hàng hóa, đáp ứng nhu cầu mua sắm của nhân dân (Đạt)

8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân	Đạt	- Số điểm phục vụ bưu chính: 01 Điểm; - Số điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân: 01 Điểm. (Đạt)	Điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân: 01 Điểm, đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân. (Đạt)
		8.2. Có tỷ lệ dân số theo độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt tối thiểu 50% đối với xã đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo; tối thiểu 80% đối với các xã còn lại.	80%.	(Đạt) Tỷ lệ dân số theo độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh trên tổng số người trong độ tuổi lao động trên địa bàn xã là 2770 người/3250 đạt 85 %	Dân số theo độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh trên tổng số người trong độ tuổi lao động trên địa bàn xã là 2770/3250, đạt tỷ lệ 85 % (Đạt)
		8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông	Đạt	(Đạt) 100% thôn có hệ thống loa hoạt động thường xuyên; 100% số thôn trong xã có hộ gia đình xem được 01 trong các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet; và có 24 cụm loa, 46 loa đang hoạt động và phủ sóng tốt.	6/6 thôn có hệ thống loa hoạt động thường xuyên; 100% số thôn trong xã có hộ gia đình xem được 01 trong các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet và có 24 cụm loa, 46 loa đang hoạt động và phủ sóng tốt. (Đạt)
		8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới	Đạt	- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt 100%. - Cán bộ công chức được trang bị máy tính phục vụ trong công việc đạt 100%; 21/21 cán bộ, công chức của xã (đạt 100%) đã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức kỹ năng số và an toàn thông tin - Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản đạt 2770/3250 người, đạt tỷ lệ 85,23 %. - 100% sản phẩm OCOP (5/5) của xã được giới thiệu quảng bá trên nền tảng sản thương mại điện tử Postamart. (Đạt)	- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt 100%. - Cán bộ công chức được trang bị máy tính phục vụ trong công việc đạt 100%; 21/21 cán bộ, công chức của xã (đạt 100%) đã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức kỹ năng số và an toàn thông tin - Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản đạt 2770/3250 người, đạt tỷ lệ 85,23 %. - 100% sản phẩm OCOP (5/5) của xã được giới thiệu quảng bá trên nền tảng sản thương mại điện tử Postamart. (Đạt)

		8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)	Đạt	Tại trụ Sở UBND xã và Hội trường UBND xã đã được lắp đặt wifi phục vụ nhu cầu sử dụng của cán bộ, công chức xã và người dân đến làm việc tại xã, 100% cá điểm du lịch cộng đồng trên địa bàn xã cũng được lắp wifi phục vụ người dân, du khách thập phương đến tham quan. (Đạt)	Trụ Sở UBND và Hội trường UBND xã được lắp đặt các wifi phục vụ nhu cầu sử dụng của cán bộ, công chức và người dân đến làm việc tại xã, 6/6 thôn, trạm y tế, bưu điện, công an, các trường học trên địa bàn xã cũng đã được lắp đặt wifi miễn phí phục vụ tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, dễ dàng truy cập internet, sử dụng các dịch vụ số. (Đạt)
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	$\geq 90\%$	(Đạt) - Toàn xã có 1.647 hộ và tổng số nhà: 1.647 nhà; - Số hộ có nhà ở kiên cố (nhà ở nông thôn đạt chuẩn): 1.556/1.647 hộ đạt 94,5 % hộ	- Toàn xã có 1.647 hộ và tổng số nhà: 1.647 nhà; - Số hộ có nhà ở kiên cố (nhà ở nông thôn đạt chuẩn): 1.556/1.647 hộ đạt 94,5 % hộ (Đạt)
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người)	Năm 2022 Năm 2023	≥ 54 ≥ 58	Tháng 8 năm 2023, đạt 68,73 (triệu đồng/người) (Đạt)
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025	$\leq 4\%$	(Đạt) Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều (%) = 0,06% Tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều (%) = 0,73%	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều (%) = 0,06% Tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều (%) = 0,73% Tỷ lệ nghèo đa chiều (trừ HN, hộ CN không có khả năng lao động) = 0,06+0,73 = 0,79% (Đạt)
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 80\%$	(Đạt) Tỷ lệ lao động qua đào tạo của xã = 81,04 %	Lao động qua đào tạo của xã 2.364/2.917, đạt tỷ lệ 81,04 %. (Đạt)
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 30\%$	(Đạt) Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ đạt 35,17 %.	Lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ 1.026/2.917, đạt tỷ lệ 35,17 %. (Đạt)
		12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn	Nông, lâm, ngư nghiệp <30% hoặc Công nghiệp - Xây dựng >40% hoặc Dịch vụ >30%	Ngành công nghiệp, xây dựng (được công nhận tại công văn số 669/UBND-LĐTĐBXH ngày 07/4/2023 của UBND huyện Đông Sơn), đạt 66,13%. (Đạt)	Lao động làm việc trong ngành kinh tế chủ lực là Công nghiệp - Xây dựng của xã là 1724/2965 đạt tỷ lệ 66,13% (Đạt)
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định	≥ 1	02 HTX DV Nông nghiệp hoạt động có hiệu quả và có HĐ liên kết theo chuỗi giá trị ổn định trong 3 năm liên tục từ năm 2020 đến năm 2022 (Đạt)	02 HTX DV Nông nghiệp hoạt động có hiệu quả và có HĐ liên kết theo chuỗi giá trị ổn định trong 3 năm liên tục từ năm 2020 đến năm 2022 (Đạt)

13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn	Đạt	Tổng số sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn: 05 sản phẩm (Đạt)	Tổng số sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn: 05 sản phẩm; (Đạt)
13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm	≥ 1	01 Mô hình cơ giới hóa đồng bộ các khâu trong sản xuất lúa, được áp dụng trên địa bàn của 6 thôn. Tất cả các khâu làm đất, gieo trồng, tưới tiêu, chăm sóc, thu hoạch đều bằng cơ giới hóa	01 Mô hình cơ giới hóa đồng bộ các khâu trong sản xuất lúa, được áp dụng trên địa bàn của 6 thôn. Tất cả các khâu làm đất, gieo trồng, tưới tiêu, chăm sóc, thu hoạch đều bằng cơ giới hóa (Đạt)
13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã	≥ 1 sản phẩm	1 sản phẩm (Đạt)	1 sản phẩm (Đạt)
13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử	$\geq 10\%$	Sản phẩm của xã Đông Tiến được ký kết với các đơn vị Sao Khuê, 200 ha/599,72 ha, chiếm 33,35% trên toàn xã có trên sàn giao dịch điện tử. (Đạt)	Sản phẩm của xã Đông Tiến được ký kết với các đơn vị Sao Khuê, diện tích 200ha chiếm 33,35% trên toàn xã có trên sàn giao dịch điện tử (Đạt)
13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng	Đạt (nếu có)	Trên địa bàn xã có diện tích trồng lúa tại vùng sản xuất lúa tập trung với diện tích 4,99 ha; 24 hộ tham gia. Mã số vùng trồng VN-38-405-16404-3-22 ; Tiêu chuẩn áp dụng: Đủ điều kiện ATTP (Đạt)	Xã có diện tích trồng lúa tại vùng sản xuất lúa tập trung với diện tích 4,99 ha; 24 hộ tham gia. Mã số vùng trồng VN-38-405-16405-3-22 ; Tiêu chuẩn áp dụng: Đủ điều kiện ATTP (Đạt)
13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội	Đạt	Xã thường xuyên tuyên truyền và quảng bá di sản văn hóa chung cả huyện và các hình ảnh hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao của xã trên trang fanpage của xã tại (Đạt)	Xã thường xuyên tuyên truyền và quảng bá di sản văn hóa chung cả huyện và các hình ảnh hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao của xã trên trang fanpage của xã (Đạt)
13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)	≥ 1 mô hình	1 mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị đảm bảo 02/04 tiêu chí theo yêu cầu: Tên mô hình Dưa kim hoàng hậu của Trang trại nông nghiệp hữu cơ ứng dụng công nghệ cao Thiên Trường. Xứ đồng Bãi Man – Thôn Triệu Tiền; diện tích 16.000 m ² ; loại hình sản xuất kinh doanh Trang trại- Các tiêu chí đạt được: Tạo giá trị gia tăng cho sản phẩm của mô hình; Tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập. (Đạt)	1 mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị đảm bảo 02/04 tiêu chí theo yêu cầu: Tên mô hình Dưa kim hoàng hậu của Trang trại nông nghiệp hữu cơ ứng dụng công nghệ cao Thiên Trường. Xứ đồng Bãi Man – Thôn Triệu Tiền; diện tích 16.000 m ² ; loại hình sản xuất kinh doanh Trang trại; Các tiêu chí đạt được: Tạo giá trị gia tăng cho sản phẩm của mô hình; Tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập. (Đạt)

14	Y tế	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 95\%$	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT 5.509/5.580, đạt 98.73%. (Đạt)	Tỷ lệ có thẻ BHYT trên số dân của xã 5.509/5.580, đạt 98.73%. (Đạt)
		14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 90\%$	Tỷ lệ Người dân đã được tạo dựng hồ sơ sức khỏe điện tử và quản lý, theo dõi trên phần mềm, đạt 5.452/5.580 người, đạt 97,7 % (Đạt)	Tỷ lệ Người dân đã được tạo dựng hồ sơ sức khỏe điện tử và quản lý, theo dõi trên phần mềm, đạt 5.452/5.580 người, đạt 97,7 % (Đạt)
		14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 40\%$	Có 2.545 người dân đã cài đặt và sử dụng ứng dụng này đạt tỷ lệ 45,6% dân số (Đạt)	Có 2.545 người dân đã cài đặt và sử dụng ứng dụng này đạt tỷ lệ 45,6% (Đạt)
		14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	$\geq 70\%$	Người dân đã được tạo dựng hồ sơ sức khỏe điện tử và theo dõi trên phần mềm quản lý, có 5.452/5.580 người, đạt 97,7 % (Đạt)	Người dân sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh điện tử có 5.452/5.580 người, đạt 97,7 % (Đạt)
15	Hành chính công	15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	Đạt	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND xã Đông Tiến có diện tích 60m ² , trong đó 25 m ² bố trí 02 dãy ghế ngồi chờ cho tổ chức, cá nhân đến giao dịch đảm bảo đúng quy định. Cơ sở vật chất, trang thiết bị gồm: 02 điều hòa; hệ thống camera theo dõi với 03 mắt quan sát, 01 bàn làm việc khép kín với 08 quầy giao dịch, 05 máy tính kết nối mạng, 05 máy in, 01 máy photocopy, 01 máy Scan , 01 tủ đựng sách tuyên truyền pháp luật; 05 tủ đựng hồ sơ cho công chức chuyên môn đựng tài liệu; 03 quạt mát, hệ thống các bảng biểu và các trang thiết bị cần thiết khác đáp ứng nhu cầu làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin cán bộ công chức đã được cấp và sử dụng chứng thư số; 04 quạt mát, hệ thống các bảng biểu và các trang thiết bị cần thiết khác đáp ứng nhu cầu làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan. (Đạt)	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND xã Đông Tiến có diện tích 60m ² , trong đó 25 m ² bố trí 02 dãy ghế ngồi chờ cho tổ chức, cá nhân đến giao dịch đảm bảo đúng quy định. Cơ sở vật chất, trang thiết bị gồm: 02 điều hòa; hệ thống camera theo dõi với 03 mắt quan sát, 01 bàn làm việc khép kín với 08 quầy giao dịch, 05 máy tính kết nối mạng, 05 máy in, 01 máy photocopy, 01 máy Scan , 01 tủ đựng sách tuyên truyền pháp luật; 05 tủ đựng hồ sơ cho công chức chuyên môn đựng tài liệu; 03 quạt mát, hệ thống các bảng biểu và các trang thiết bị cần thiết khác đáp ứng nhu cầu làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin; 100% cán bộ, công chức cấp chứng thư để thực hiện ký số văn bản điện tử trên phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc. - 100% hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của xã đều thực hiện trên phần mềm một cửa và đi vào hoạt động ổn định. (Đạt)
		15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt	Đảm bảo chỉ tiêu được giao theo từng năm: năm 2021 dịch vụ công trực tuyến của xã Đông Tiến ở mức độ 3 đạt 100%, ở mức độ 4 đạt 100%; Năm 2022 và 6 tháng đầu năm 2023 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đạt 100%; mức độ 4 đạt 100%. (Đạt)	Có dịch vụ công trực tuyến đảm bảo đạt mức độ 3, 4; tỷ lệ hồ sơ luôn đạt chỉ tiêu tỉnh giao; 100% các TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của xã được đảm bảo chỉ tiêu huyện giao (Đạt)

		15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp	Đạt	Trong 03 (ba) năm liên tục liền kề trước năm xét công nhận, kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của xã được giải quyết đúng hoặc sớm hạn đạt tối thiểu từ 100% trở lên đối với hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã và 100% trở lên đối với hồ sơ thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông tại bước tiếp nhận, xử lý ở cấp xã; các hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết quá hạn phải thực hiện xin lỗi theo đúng quy định (Đạt)	Xã thực hiện tốt công tác công khai, minh bạch TTHC thông qua hình thức niêm yết công khai bằng bảng giấy tại trụ sở cơ quan 247/247 TTHC thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết; niêm yết danh mục 11 TTHC dịch vụ công mức độ 3; 27 TTHC mức độ 4 tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả trên Trang thông tin điện tử của xã. 100% thủ tục hành chính được tiếp nhận, xử lý, trả kết quả trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC; đã thực hiện scan số hoá hồ sơ tiếp nhận và trả kết quả theo quy định. Trong 3 năm (2020-2023) 100% hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền được tiếp nhận, xử lý, trả kết quả đúng hạn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC. (Đạt).
16	Tiếp cận pháp luật	16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận	≥ 1	Xã có 2 mô hình: Mô hình “Làng quê an toàn cho phụ nữ và trẻ em”; mô hình “Tổ hòa giải cơ sở kiểu mẫu” tại thôn Triệu Tiên. (Đạt)	Xã có 2 mô hình: Mô hình “Làng quê an toàn cho phụ nữ và trẻ em”; mô hình “Tổ hòa giải cơ sở kiểu mẫu” tại thôn Triệu Tiên. (Đạt)
		16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành	$\geq 90\%$	Không có vụ việc	Không có vụ việc (Đạt)
		16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	$\geq 90\%$	Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu đạt 100% (0 người/0 người)	Không có người yêu cầu (Đạt)
17	Môi trường	17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường	Đạt	Trên địa bàn xã không có khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản. Toàn xã 200 hộ gia đình (nhỏ lẻ) kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường, có giấy xác nhận cam kết sản xuất không sử dụng chất cấm, đảm bảo tiêu chuẩn bảo vệ môi trường, hệ thống xử lý nước thải, chất thải được thu gom tập trung. (Đạt)	Toàn xã 200 hộ gia đình (nhỏ lẻ) kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường, có giấy xác nhận cam kết sản xuất không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi, đảm bảo tiêu chuẩn bảo vệ môi trường, hệ thống xử lý nước thải, chất thải được thu gom tập trung. Đạt 100% hộ chăn nuôi có hệ thống xử lý chất thải, bể bioga, đệm lót sinh học. (Đạt)

		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	Xã có 200 cơ sở sản xuất kinh, nuôi trồng thủy sản; Làng nghề xã không có. Đạt 100%, trong đó có 02 cơ sở sản xuất đã lập hồ sơ môi trường theo quy định. (Đạt)	Xã có 200 cơ sở sản xuất kinh, nuôi trồng thủy sản (Làng nghề không có), đạt 100%, trong đó có 02 cơ sở sản xuất (đã lập hồ sơ môi trường theo quy định; 198 cơ sở còn lại đã ký cam kết bảo vệ môi trường theo quy định. (Đạt).
		17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	≥85%	Tổng số hộ gia đình trên địa bàn xã: 1.647 hộ. - 100 % hộ gia đình trong xã hợp đồng với HTX môi trường Tân Sơn để thu gom vận chuyển về bãi chôn lấp rác thải tập trung của huyện tại xã Đông Nam để xử lý theo quy định với tần suất 02 ngày/lần. (Đạt)	Tổng số hộ gia đình trên địa bàn xã 1.647/1.647 hộ được thu gom, đạt 100 %. Hiện tại xã ký hợp đồng với HTX môi trường Tân Sơn để thu gom (Đạt)
		17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	≥40%	Số hộ thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả: 951/1.647 hộ đạt 57,7 % (Đạt)	Các hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả: 951/1.647 hộ đạt 57,7 % (Đạt)
		17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥50%	Số hộ phân loại CTR tại nguồn là 887/1647 hộ, đạt 53,85 % (Đạt)	Số hộ gia đình thực hiện thu gom, phân loại chất thải rắn tại nguồn có 887/1647 hộ, đạt 53,85 % (Đạt)
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	Toàn xã có 41 bể chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật, có nắp đậy đảm bảo vệ sinh môi trường. Tại mỗi xứ đồng của từng thôn có đặt các bể chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật. Đối với CTR nguy hại phát sinh tại các hộ dân như (pin, nhiệt kế, bóng đèn huỳnh quang thải...), được thu gom vào thùng riêng biệt đặt tại các khu vực công cộng (trạm y tế, trụ sở UBND xã). Đạt 100%	Xã có 41 bể chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật, có nắp đậy đảm bảo vệ sinh môi trường. Mỗi xứ đồng của từng thôn có đặt các bể chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật, Đối với CTR nguy hại phát sinh tại các hộ dân như (pin, nhiệt kế, bóng đèn huỳnh quang thải...), được thu gom vào thùng riêng biệt đặt tại các khu vực công cộng (trạm y tế, trụ sở UBND xã). Đạt 100% (Đạt).
		17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường	≥80%	Khối lượng chất thải trên địa bàn xã được thu gom, xử lý, tái sử dụng 5.873/6.715 tấn, đạt 87,46%. Tỷ lệ hộ gia đình, trang trại trên địa bàn xã Đông Phú áp dụng các biện pháp tái sử dụng và tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp là 1.403/1.647 hộ, đạt 85,80%. (Đạt)	Khối lượng chất thải trên địa bàn xã được thu gom, xử lý, tái sử dụng 5.873/6.715 tấn, đạt 87,46%. Tỷ lệ hộ gia đình, trang trại trên địa bàn xã Đông Phú áp dụng các biện pháp tái sử dụng và tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp là 1.403/1.647 hộ, đạt 85,80% (Đạt)
		17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	≥85%	- Tổng số cơ sở chăn nuôi: 71 Cơ sở; - Số cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường: 62/71 cơ sở, đạt tỷ lệ 87,3% (Đạt)	- Tổng số cơ sở chăn nuôi: 71 Cơ sở; - Số cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường: 62/71 cơ sở, đạt tỷ lệ 87,3% (Đạt)

		17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	Đạt	Số lượng nghĩa trang được quy hoạch trên địa bàn xã là 02 nghĩa trang. (Đạt)	Xã có 02 nghĩa trang được quy hoạch đáp ứng các quy định của pháp luật. (Đạt)
		17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	$\geq 5\%$	Trong 3 năm gần nhất, tổng số người từ trần là 47 người. Trong đó: Hỏa táng 41 trường hợp; hunh táng 6 trường hợp. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng là 41/47 trường hợp, chiếm tỷ lệ 87.2%; tỷ lệ trường hợp hunh táng là 6/47 trường hợp, chiếm tỷ lệ 12.8%. Năm 2023 (tính đến thời hết tháng 8) có 28 người từ trần, trong đó 25 trường hợp hỏa táng; hunh táng 03 trường hợp, chiếm tỷ lệ 89,28%. (Đạt)	Trong 3 năm gần nhất, tổng số người từ trần là 47 người. Trong đó: Hỏa táng 41 trường hợp; hunh táng 6 trường hợp. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng là 41/47 trường hợp, chiếm tỷ lệ 87.2%; tỷ lệ trường hợp hunh táng là 6/47 trường hợp, chiếm tỷ lệ 12.8%. Năm 2023 (tính đến thời hết tháng 8) có 28 người từ trần, trong đó 25 trường hợp hỏa táng; hunh táng 03 trường hợp, chiếm tỷ lệ 89,28%. Đạt
		17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 4\text{m}^2$ /người	Tỷ lệ đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn trên địa bàn xã Đông Tiến là đạt 4,13 m2/người. (Đạt)	Tỷ lệ đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn trên địa bàn xã Đông Tiến đạt 4,13 m2/người. (Đạt)
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 70\%$	Tổng lượng rác thải nhựa được thu gom, bán cho cơ sở thu gom, tái chế phế liệu khoảng 5,1 tấn/năm, đạt 76 %. (Đạt)	Khối lượng chất thải nhựa phát được thu gom tái chế sử dụng: 5,1 tấn; tỷ lệ đã được thu gom 76 %. (Đạt).
18	Chất lượng môi trường sống	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	$\geq 55\%$	- Tổng số hộ: 1.647 Hộ. - Số hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung đạt tỷ lệ: 100%;	- Tổng số hộ: 1.647 Hộ. - Số hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung đạt tỷ lệ: 100%;
		18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	≥ 60 lít	Lượng nước cấp sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm: 67,07 lít/người/ngày đêm (Đạt)	Lượng nước cấp sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm: 67,07 lít/người/ngày đêm (Đạt)
		18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	$\geq 30\%$	Xã Đông Tiến được cung cấp nước sạch từ Nhà máy cấp nước sạch tập trung do Công ty CP nước sạch Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa – chi nhánh Đông Sơn quản lý (Đạt)	Xã Đông Tiến được cung cấp nước sạch từ Nhà máy cấp nước sạch tập trung do Công ty CP nước sạch Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa – chi nhánh Đông Sơn quản lý. (Đạt)
		18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm	100%	Hàng năm UBND xã, phối hợp với Văn phòng Điều phối về Vệ sinh ATTP huyện xây dựng kế hoạch, tổ chức tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm cho 83/83 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống đạt 100%. (Đạt)	Hàng năm UBND xã, phối hợp với Văn phòng Điều phối về Vệ sinh ATTP huyện xây dựng kế hoạch, tổ chức tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm cho 83/83 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống đạt 100%. (Đạt)

		18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã	Không	Không xảy ra các sự cố về an toàn thực phẩm cũng như các vụ ngộ độc thực phẩm nhiều người mắc (Đạt)	Trên địa bàn xã Đông Tiến chưa xảy ra sự cố ngộ độc về an toàn thực phẩm, bệnh truyền qua thực phẩm hoặc các tình huống khác phát sinh từ thực phẩm gây hại trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng con người. (Đạt)
		18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm	100%	- Tổng số cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản: 02 Cơ sở. - Số cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm: 02 Cơ sở, đạt 100% (Đạt)	- Tổng số cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản: 02 Cơ sở. - Số cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm: 02 Cơ sở, đạt 100%. (Đạt)
		18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch	≥95%	Năm 2021: Nhà tiêu HVS đạt 1.244/1.293 hộ đạt 96,21%; nhà tắm đạt 95,66%; nguồn nước HVS đạt 95,5%; Năm 2022: Nhà tiêu HVS đạt 1.232/1.293 hộ = 95,28%; nhà tắm đạt 95,9%; nguồn nước HVS đạt 96,9%; Năm 2023: Nhà tiêu HVS đạt 1.237/1.293 hộ đạt 95,7 %; nhà tắm đạt 96,6%; nguồn nước HVS đạt 99,2%. (Đạt)	Năm 2021: Nhà tiêu HVS đạt 1.244/1.293 hộ đạt 96,21%; nhà tắm đạt 95,66%; nguồn nước HVS đạt 95,5%; Năm 2022: Nhà tiêu HVS đạt 1.232/1.293 hộ = 95,28%; nhà tắm đạt 95,9%; nguồn nước HVS đạt 96,9%; Năm 2023: Nhà tiêu HVS đạt 1.237/1.293 hộ đạt 95,7 %; nhà tắm đạt 96,6%; nguồn nước HVS đạt 99,2%. (Đạt)
		18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường	100%	Trên địa bàn xã không có bãi chôn lấp CTR sinh hoạt. Rác thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân trên địa bàn xã được hợp đồng với Hợp tác xã dịch vụ môi trường Tân Sơn thu gom, vận chuyển về bãi chôn lấp rác thải tập trung của huyện tại xã Đông Nam để xử lý theo quy định với tần suất 03 lần/tuần. (Đạt)	Xã Đông Tiến không có bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt. Ký hợp đồng thu gom rác thải với HTX dịch vụ Môi trường Tân Sơn thu gom, vận chuyển về nơi chôn lấp, xử lý tập trung tại xã Đông Nam, đạt tỷ lệ 100%. (Đạt)
19	Quốc phòng và An Thịnh	19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân	Đạt	Ban CHQS xã và lực lượng dân quân đảm bảo biên chế đầy đủ về số lượng, chất lượng, đảm bảo chính sách và cơ sở vật chất theo quy định; BCHQS đã xây dựng KH trực sẵn sàng chiến đấu, thực hiện tốt tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ (Đạt)	Ban CHQS xã và lực lượng dân quân đảm bảo biên chế đầy đủ về số lượng, chất lượng, đảm bảo chính sách và cơ sở vật chất theo quy định; BCHQS đã xây dựng KH trực sẵn sàng chiến đấu, thực hiện tốt tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ. (Đạt)
		19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông,	Đạt	Có 03 mô hình tự quản về ANTT hoạt động thường xuyên, hiệu quả: (1) Mô hình “Camera với ANTT” ra mắt hoạt động tháng 5/2022 với 29 mắt trên 2.000 hộ dân tham gia; (2) mô hình “tổ 3 trên	Xã Đông Tiến không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên. Có 03 mô hình tự quản về ANTT hoạt động thường

		cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an Thịnh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an Thịnh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả		1”; đã cảm hóa, giao dục, giúp đỡ được 05 đối tượng gồm: án treo, người cải tạo không giam giữ và án tù tha về; (3) Mô hình các tổ ANTT-ANXH thường xuyên được kiện toàn, với 16 tổ ANTT và 18 thành viên; 64 tổ ANXH và 512 thành viên hoạt động thường xuyên, hiệu quả; trong 6 tháng đầu năm 2023 đã ra mắt 02 mô hình liên gia PCCC và 03 điểm chữa cháy công cộng hoạt động có hiệu quả trong công tác PCCC tại khu dân cư ; (Đạt)	xuyên, hiệu quả: (1) Mô hình “Camera với ANTT” ra mắt hoạt động tháng 5/2022 với 29 mắt trên 2.000 hộ dân tham gia; (2) mô hình “tổ 3 trên 1”; đã cảm hóa, giao dục, giúp đỡ được 05 đối tượng gồm: án treo, người cải tạo không giam giữ và án tù tha về; (3) Mô hình các tổ ANTT-ANXH thường xuyên được kiện toàn, với 16 tổ ANTT và 18 thành viên; 64 tổ ANXH và 512 thành viên hoạt động thường xuyên, hiệu quả; trong 6 tháng đầu năm 2023 đã ra mắt 02 mô hình liên gia PCCC và 03 điểm chữa cháy công cộng hoạt động có hiệu quả trong công tác PCCC tại khu dân cư. (Đạt)
--	--	---	--	--	---